

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH
QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT HUY NGUỒN LỰC XÂY
DỰNG, VẬN HÀNH HỆ SINH THÁI TẬN DỤNG CÁC FTA VÀ XÚC TIẾN XUẤT KHẨU NGÀNH HÀNG
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 250/2025/QH15 CỦA QUỐC HỘI**

(Bản gửi Bộ Tư pháp thẩm định)

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công Thương đã tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều về cơ chế, chính sách phát huy nguồn lực xây dựng, vận hành hệ sinh thái tận dụng các FTA và xúc tiến xuất khẩu ngành hàng theo Nghị quyết số 250/2025/QH15 của Quốc hội.

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến góp ý: 17 Bộ, ngành; 34 tỉnh, thành phố, 11 đơn vị thuộc Bộ Công Thương và 09 Hiệp hội. Tổng số ý kiến nhận được:

- Số lượng các Bộ, ngành đã góp ý: 08 (Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao, Bộ Xây dựng, Bộ Tư pháp, Ngân hàng Nhà nước, Thanh tra Chính phủ)

- Các địa phương (UBND tỉnh/ Sở Công Thương) đã góp ý: 22 (Đắk Lắk, Gia Lai, Khánh Hòa, Lào Cai, Nghệ An, Phú Thọ, Quảng Trị, Tây Ninh, Thanh Hóa, Bắc Ninh, Cao Bằng, Đồng Tháp, Hải Phòng, Ninh Bình, Lai Châu, Lâm Đồng, Tuyên Quang, Quảng Ninh, Hà Nội, Cà Mau, Đồng Nai, Sơn La)

- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương đã góp ý: 10 (Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số; Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công; Cục Xuất nhập khẩu; Văn phòng Bộ; Văn phòng BCD liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế; Vụ Phát triển thị trường nước ngoài; Vụ Pháp chế; Cục Phòng vệ thương mại; Vụ Chính sách thương mại đa biên; Ủy ban cạnh tranh quốc gia).

- Các Hiệp hội ngành hàng: 05 (Hiệp hội Cao su Việt Nam, Hiệp hội Thông tin, tư vấn kinh tế thương mại Việt Nam, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam, Hiệp hội Dệt may Việt Nam, Hiệp hội Rau quả Việt Nam)

- Các cơ quan, tổ chức, địa phương nhất trí hoàn toàn với các nội dung Dự thảo Nghị định: Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số; Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công; Văn phòng Bộ, Phú Thọ, Tây Ninh, Cao Bằng, Đồng Tháp, Hải Phòng, Ninh Bình, Lai Châu, Hà Nội, Đồng Nai, Sơn La.

2. Kết quả cụ thể như sau:

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Về căn cứ ban hành Nghị định			
Về các nội dung chung	Bộ Tư pháp	Theo nội dung giao việc tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2835/QĐ-TTg (Mục 13.70) thì Bộ Công Thương chỉ được giao xây dựng trình Chính phủ nội dung quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 250/2025/QH15 và Quốc hội không giao Chính phủ quy định chi tiết khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15¹, đồng thời, Nghị quyết này cũng không có quy định về Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại. Vì vậy, đề nghị Bộ Công Thương: (1) thuyết minh rõ tại Tò trình Chính phủ cơ sở của việc quy định về Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại (mở rộng hơn so với nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg, quy định về nội dung chưa được nêu tại Nghị quyết số 250/2025/QH15) để Chính phủ xem xét quyết định; (2) cần xác định đây là nội dung chưa được quy định tại văn bản luật, Nghị quyết của Quốc hội và tính toán về hình thức văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp; trường hợp Bộ Công Thương đề xuất lựa chọn ban hành ở dạng Nghị định của Chính phủ thì đề nghị xác định đây là các quy định thuộc trường hợp tại điểm c khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 (Luật BHVBQPPL) và thực hiện thủ tục cho phù hợp (trước khi ban hành nghị định này phải được sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và không đưa nội dung quy định chi tiết khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 vào dự thảo Nghị định. Như vậy, dự thảo Nghị định sẽ chỉ quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 250/2025/QH15 như được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg. Các hoạt động trợ giúp thương nhân, doanh nghiệp cụ thể đã được quy định tại Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 và Nghị định số 86/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2025, không bao gồm nguồn kinh phí hỗ trợ. Vì vậy, trong quá trình xây dựng Nghị quyết số 250/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế, Bộ Công Thương đã đề xuất đưa nội dung hỗ trợ tài chính cho hiệp hội ngành, nghề tham gia xử lý các vụ việc PVTM tại nước ngoài.

¹ Khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 quy định: “Hiệp hội ngành, nghề được hỗ trợ để tham gia các vụ kiện phòng vệ thương mại ở nước ngoài, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của doanh nghiệp Việt Nam bị ảnh hưởng khi phía nước ngoài cáo buộc vận hành theo cơ chế kinh tế phi thị trường, phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên” chứ không quy định về Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại và không giao Chính phủ quy định về Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại.

	Đề nghị Bộ Công Thương cân nhắc kỹ lưỡng, làm rõ các quy định về Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại ở các nội dung sau: (1) Đề nghị giải trình rõ căn cứ pháp lý của việc hình thành Quỹ này và giải trình rõ căn cứ để thực hiện cơ chế sử dụng ngân sách nhà nước để hỗ trợ thông qua Quỹ này. (2) Khoản 1 Điều 12 dự thảo Nghị định quy định: nguồn hình thành Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại bao gồm “<i>khoản trích hằng năm từ nguồn thu thuế phòng vệ thương mại áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam. Mức trích do Bộ Tài chính xác định, cân đối vào cuối năm tài chính, nhưng không vượt quá 10% tổng số thu thuế phòng vệ thương mại thực thu trong năm ngân sách đó</i>”. Khoản 1 Điều 7 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025 quy định: “<i>Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước, theo nguyên tắc không gắn với nhiệm vụ chi cụ thể</i>”. Do đó, quy định về việc trích đóng Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại từ nguồn thu thuế phòng vệ thương mại là chưa phù hợp với Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025 và chưa có căn cứ pháp lý. (3) Dự thảo Nghị định chưa xác định rõ tính chất, mô hình của Quỹ, chưa rõ tính cấp thiết của Quỹ (với những quy định như dự thảo Nghị định thì việc thành lập Quỹ để hỗ trợ không có quá nhiều khác biệt so với việc ngân sách hỗ trợ trực tiếp). (4) Quỹ Hỗ trợ phòng vệ thương mại có khả năng sẽ rơi vào trường hợp trợ cấp có thể bị đối kháng/trợ cấp không bị cấm nhưng có thể bị khiếu kiện ở WTO (actionable subsidies) tại phần III Hiệp định WTO về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (trong trường hợp việc hỗ trợ phòng vệ này gây thiệt hại cho một nước thành viên khác/ngành sản xuất sản phẩm tương tự của	Khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 quy định: “<i>Hiệp hội ngành, nghề được hỗ trợ để tham gia các vụ kiện phòng vệ thương mại ở nước ngoài, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của doanh nghiệp Việt Nam bị ảnh hưởng khi phía nước ngoài cáo buộc vận hành theo cơ chế kinh tế phi thị trường, phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên</i>”. Do đó, theo ý kiến Bộ Tư pháp, khoản 4 Điều 12 không quy định hỗ trợ về tài chính. Bộ Công Thương tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp và không quy định chi tiết về Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại hay bất kỳ khoản kinh phí hỗ trợ phòng vệ thương mại tại dự thảo Nghị định.
--	--	---

		1 nước thành viên khác). Cụ thể, khoản 2 Điều 8 dự thảo Nghị định quy định “<i>Việc áp dụng cơ chế tạo thuận lợi và hỗ trợ không làm phát sinh ưu đãi thuế, trợ cấp xuất khẩu hoặc các hình thức hỗ trợ khác trái với quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên</i>”. Tuy nhiên, phần nguyên tắc hỗ trợ của Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại tại Điều 13 dự thảo Nghị định lại đang thiếu vắng một quy định rào chắn tương tự. Cơ quan chủ trì soạn thảo cần nhắc bổ sung thêm một khoản mang tính nguyên tắc tại Điều 13 dự thảo Nghị định với nội dung việc hỗ trợ từ Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, không cấu thành các khoản trợ cấp bị cấm hoặc trợ cấp có thể bị đối kháng gây tác động nghịch theo quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới. Từ những lý do trên, để đảm bảo cơ sở pháp lý chắc chắn, đề nghị Bộ Công Thương nghiên cứu ý kiến đã nêu tại Mục 1.2.a ở trên hoặc cân nhắc lược bỏ quy định về Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại, thay thế bằng quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ khác của Nhà nước cho đúng tinh thần của khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15.	
	Hiệp hội Thông tin, tư vấn kinh tế thương mại Việt Nam	- Dự thảo có nhiều điểm đột phá, đặc biệt là việc cụ thể hóa “Hệ sinh thái FTA” và “Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại”. - Dự thảo đã thể hiện tư duy quản lý hiện đại (chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, hỗ trợ theo chuỗi giá trị). Tuy nhiên ranh giới giữa “hỗ trợ của Nhà nước” và “trợ cấp xuất khẩu” (vi phạm quy định WTO) rất mong manh. Cần bổ sung một điều khoản quét: “<i>Các biện pháp hỗ trợ tại Nghị định này được thực hiện phù hợp với các cam kết về trợ cấp trong khuôn khổ Hiệp định tự vệ thương mại trong WTO và các Hiệp định FTA mà Việt Nam là thành viên</i>”.	Bộ Công Thương đã chủ động rà soát để đảm bảo các biện pháp hỗ trợ tại Nghị định này phù hợp với các cam kết quốc tế.

	Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam	Đồng tình và ủng hộ với cách tiếp cận & thiết kế nội dung tại dự thảo để hướng dẫn cho quyết nghị tại khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250 kể trên. Đó là thành lập Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại với nguồn chính là khoản trích hằng năm từ nguồn thu thuế phòng vệ thương mại áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam (trích tối đa 10%), làm cơ sở và nguồn lực để hỗ trợ cho một công việc hết sức đặc thù hiện nay: phòng vệ thương mại. Tuy nhiên, xin có một vài góp ý, đề xuất cụ thể.	Tiếp thu và điều chỉnh.
	Cục Xuất Nhập khẩu - Bộ Công Thương	Thông nhất về sự cần thiết ban hành Nghị định quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Khoản 4 Điều 12 và Điều 13 Nghị quyết số 250/2025/QH15 của Quốc hội. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, làm rõ những hoạt động nhằm mục đích hỗ trợ phòng vệ thương mại tại Quỹ phòng vệ thương mại và Quỹ Xúc tiến xuất khẩu để đảm bảo không trùng lặp hoạt động hỗ trợ của 02 Quỹ.	Tiếp thu và điều chỉnh. Nguồn hình thành 2 nguồn hỗ trợ PVTM và xúc tiến xuất khẩu khác nhau. Đối với nguồn kinh phí hỗ trợ PVTM, kinh phí cân đối, bố trí từ ngân sách nhà nước. Do đó, hoạt động hỗ trợ Hiệp hội, ngành nghề chỉ dành riêng cho các vụ việc PVTM do nước ngoài điều tra và cần được xem xét, thẩm định.
	Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương	Về tên Nghị định và phạm vi điều chỉnh của Nghị định: Căn cứ danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10, Bộ Công Thương được giao chủ trì soạn thảo Nghị định quy định chi tiết khoản 2 Điều 9 và Điều 13 Nghị quyết 250/2025/QH15 (chưa giao nội dung quy định khoản 4 Điều 12 Nghị quyết này). Căn cứ Điều 25 Nghị quyết 250/2025/QH15 và điểm c khoản 2 Điều 2 Quyết định số 2835/QĐ-TTg, đề nghị lưu ý báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định sửa đổi tên gọi, phạm vi điều chỉnh của Nghị định và có thể được	Tiếp thu. Bổ sung lý do, việc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định sửa đổi tên gọi, phạm vi điều chỉnh của Nghị định tại Tờ trình Chính phủ của Bộ Công Thương tại Mục I. Sự cần thiết của việc ban hành Nghị định.

		thực hiện đồng thời với việc trình dự thảo Nghị định này.	
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Nhất trí với sự cần thiết ban hành Nghị định. - Đề nghị bổ sung, hoàn thiện các nội dung còn thiếu tại Điều 15, khoản 6 Điều 22 dự thảo Nghị định. - Dự thảo Nghị định có nhiều nội dung liên quan đến kinh phí, đề nghị bổ sung thuyết minh đánh giá dự kiến nguồn kinh phí sau khi dự thảo Nghị định được ban hành bảo đảm tính khả thi của văn bản.	Tiếp thu. Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và không đưa nội dung quy định chi tiết khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 vào dự thảo Nghị định. Như vậy, dự thảo Nghị định sẽ chỉ quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 250/2025/QH15 như được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg.
	Bộ Nội vụ	Đề nghị làm rõ sự cần thiết quy định chi tiết khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 và Quyết định số 2835/QĐ-TTg ngày 31/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ không giao Bộ Công Thương quy định chi tiết điều này.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và không đưa nội dung quy định chi tiết khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 vào dự thảo Nghị định. Như vậy, dự thảo Nghị định sẽ chỉ quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 250/2025/QH15 như được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg.
		Về mặt kỹ thuật lập pháp, đề nghị rà soát, sử dụng cách viết phù hợp hơn với các quy định của văn bản quy phạm pháp luật (ví dụ như Điều 3, khoản 2 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 10 là lời văn của Tờ trình...).	Tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa
	Bộ Quốc phòng	- Dự thảo Nghị định chủ yếu quy định về các chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực thúc đẩy hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế, tận dụng các FTA, chưa quy định cụ thể các thủ tục để thực hiện chính sách, việc triển khai thực hiện chính sách trong thực tế sau khi Nghị định được ban hành có thể có khoảng trống cho các đối tượng áp dụng thực hiện, đặc biệt là các đối tượng trực tiếp thụ hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ về thời gian, thủ tục,	Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp. Hiện nay, Bộ Công Thương đã trình Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc xem xét, phê duyệt Quyết định phê duyệt Đề án Hệ sinh thái Hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các FTA, trong đó Quy trình lựa chọn và xác

		nguồn lực tài chính,... theo quy định tại Nghị định, để sớm đi vào thực tiễn, phát huy hiệu quả chính sách đề ra và đảm bảo rõ ràng, thuận lợi cho đối tượng áp dụng thực hiện, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu phương án quy định đồng thời chính sách và trình tự, thủ tục thực hiện chính sách tại dự thảo Nghị định. - Ngoài ra, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu (i) lượng hóa cơ chế tạo thuận lợi về thủ tục hành chính (việc quy định trình tự, thủ tục thực hiện chính sách tại dự thảo Nghị định như ý kiến trên đây sẽ thuận tiện cho việc lượng hóa cơ chế tạo thuận lợi về thủ tục hành chính) và các cơ chế hỗ trợ khác tại dự thảo Nghị định; và (ii) xây dựng cơ chế và nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp (Startup) trong các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển theo định hướng tận dụng các FTA, nâng cao khả năng, hiệu quả cạnh tranh trên thị trường quốc tế.	nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tham gia Hệ sinh thái FTA sẽ được Bộ Công Thương cụ thể hóa khi Xây dựng và áp dụng Bộ tiêu chí lựa chọn thành viên Hệ sinh thái FTA sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hệ sinh thái FTA.
	Thanh Hóa	Dự thảo Nghị định là cần thiết, góp phần tạo cơ sở pháp lý triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do (FTA), thúc đẩy xuất khẩu và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên, để bảo đảm tính khả thi khi triển khai, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu làm rõ nguồn kinh phí thực hiện, cơ chế bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước và trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc bố trí, quản lý, sử dụng kinh phí.	Tiếp thu và đã điều chỉnh trong dự thảo Nghị định. Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và không đưa nội dung quy định chi tiết khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 vào dự thảo Nghị định. Như vậy, dự thảo Nghị định sẽ chỉ quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 250/2025/QH15 như được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg.
	Lâm Đồng	Những mức hỗ trợ trong bản dự thảo khá thấp, có thể không thu hút được sự quan tâm của doanh nghiệp	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và không đưa nội dung quy định chi tiết khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 vào dự thảo Nghị định. Như vậy, dự thảo Nghị định sẽ

			chỉ quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 250/2025/QH15 như được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg.
	Khánh Hòa	Về thể thức văn bản quy phạm pháp luật: Đề nghị rà soát, điều chỉnh để phù hợp theo quy định, hướng dẫn tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ, cụ thể: Về tên gọi của văn bản: Đề nghị điều chỉnh phù hợp theo hướng dẫn tại Phụ lục I (điểm b khoản 4 mục II).	Tiếp thu và đã chỉnh sửa
	Gia Lai	Về cơ chế phối hợp triển khai tại địa phương Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc tổ chức triển khai Hệ sinh thái tận dụng các FTA tại địa phương; đồng thời giao cơ quan chuyên môn về lĩnh vực công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm đầu mối phối hợp triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp. Việc quy định rõ cơ chế phối hợp giữa Bộ Công Thương và địa phương sẽ góp phần bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức triển khai, đồng thời phát huy vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương trong việc phổ biến thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các chính sách, chương trình hỗ trợ liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế.	Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp. Hiện nay, Bộ Công Thương đã trình Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc xem xét, phê duyệt Quyết định phê duyệt Đề án Hệ sinh thái Hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các FTA, trong đó giao Bộ Công Thương thành lập Tổ công tác Hệ sinh thái FTA, trong đó UBND tỉnh, thành phố sẽ chỉ đạo Sở Công Thương cử đại diện tham gia Tổ công tác Hệ sinh thái FTA; phối hợp xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực thi Đề án.
	Bộ Ngoại giao	- Làm rõ khái niệm, cơ cấu, tổ chức, nguồn lực và hoạt động của hệ sinh thái FTA. Theo đó, Bộ Công Thương được giao chủ trì xây dựng và vận hành, bố trí cán bộ chuyên trách. Tuy nhiên cần làm rõ về tổ chức, thành phần và hoạt động của Hệ sinh thái do hoạt động hỗ trợ liên quan nhiều đến các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài, trong khi không phải cơ quan đại diện nào cũng có hệ thống Thương vụ; đặc biệt trong bối cảnh	Hiện nay, Bộ Công Thương đã trình Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc xem xét, phê duyệt Quyết định phê duyệt Đề án Hệ sinh thái Hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các FTA, trong đó Tổ công tác Hệ sinh thái FTA bao gồm các cơ quan quản lý trung ương và địa phương sẽ tham gia

		các CQDD còn gặp vướng mắc về nguồn lực, tài chính và thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp.	vào việc xây dựng kế hoạch và vận hành Hệ sinh thái sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hệ sinh thái FTA. Theo đó, dự kiến thành viên của Tổ công tác không yêu cầu tới cán bộ chuyên trách của các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài.
		- Bổ sung quy định chi tiết hơn về đối tượng được hỗ trợ; ưu tiên các ngành hàng xuất khẩu chủ lực, các doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa có kinh nghiệm đối phó với các vụ kiện phòng vệ thương mại: Hiện dự thảo Nghị định chỉ nêu đối tượng thụ hưởng là các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh đang hoặc có kế hoạch tham gia chuỗi giá trị gắn với việc tận dụng các hiệp định thương mại tự do bao gồm sản xuất, cung ứng, dịch vụ hỗ trợ và xuất khẩu. Việc làm rõ đối tượng thụ hưởng sẽ giúp xác định rõ mức hỗ trợ, tránh chồng chéo giữa các quỹ/ chương trình hỗ trợ đặc biệt trong bối cảnh Bộ Công Thương cũng có những hỗ trợ đối với các doanh nghiệp hội nhập quốc tế thông qua chương trình GoGlobal giai đoạn 2026-2035.	Bộ Công Thương sẽ xây dựng và áp dụng Bộ tiêu chí lựa chọn ngành hàng và địa phương ưu tiên, Bộ tiêu chí lựa chọn Thành viên tham gia Hệ sinh thái FTA sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hệ sinh thái FTA. Trong Bộ tiêu chí này, sẽ bao gồm tiêu chí ưu tiên các ngành có kim ngạch xuất khẩu lớn theo lộ trình được phê duyệt. Tuy nhiên, do cần đảm bảo cho việc thúc đẩy cá ngành hàng tiềm năng nên việc cụ thể hóa tiêu chí tại Bộ tiêu chí lựa chọn ngành hàng và địa phương ưu tiên sẽ phù hợp.
	Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam	Khoản 2 Điều 9 của NQ250/QH nêu rõ “Chính phủ bảo đảm nguồn lực cho việc xây dựng và vận hành hệ sinh thái tận dụng các FTA phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội để hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tận dụng ưu đãi, lợi thế do các FTA mang lại”. Mà “hệ sinh thái” nêu trên bao gồm các chủ thể từ cơ quan nhà nước có liên quan, Hiệp hội ngành hàng, Trường Đại học có đào tạo nội dung liên quan, đến các cơ quan chức năng ở địa phương và doanh nghiệp, HTX. Các chủ thể của hệ sinh thái này cần được bảo	Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại Khoản 2 Điều 9 với đối tượng là Cơ quan quản lý nhà nước, Hiệp hội doanh nghiệp và Hiệp hội ngành hàng.

		đảm “nguồn lực” để có thể hỗ trợ được các DN, HTX, HKD tận dụng ưu đãi, lợi thế do các FTA mang lại. Nghĩa là nhóm các chủ thể (CQNN, Hiệp hội ngành hàng, Trường ĐH có đào tạo...) là đối tượng chính cần được bảo đảm nguồn lực, và từ đó có thể hỗ trợ cho nhóm DN, HTX, HKD. Nguồn lực ở đây có thể là “cơ chế”, “năng lực chuyên môn”, “hạ tầng, dữ liệu, cơ sở vật chất” và “kinh phí”. Với các nội dung dự thảo, chúng tôi có mấy góp ý sau: Thiếu chủ thể quan trọng: Dự thảo đang nghiêng tập trung về các nội dung mà nhóm 2 (DN, HTX, HKD) được hưởng là những gì và như thế nào, nhưng lại khuyết đi các chủ thể quan trọng (nhóm CQNN, Hiệp hội,...) trong hệ sinh thái cần được “bảo đảm nguồn lực” mà quyết nghị tại khoản 2 Điều 9 (NQ250) đã nêu. Mà nhóm các chủ thể này mới là đối tượng chính cần thiết kế các nội dung (cơ chế, kinh phí, hạ tầng, nhân lực...) để đáp ứng “bảo đảm nguồn lực” như quyết nghị. Góp ý, đề nghị: Ban soạn thảo rà soát lại cấu trúc và đối tượng chính (nhóm các chủ thể chính của hệ sinh thái FTA: CQNN, Hiệp hội, Trường ĐH, Sở địa phương...) ở phần này để có các thiết kế phù hợp, đúng với NQ250.	
	Bộ Xây dựng	- Đề nghị rà soát dự thảo Nghị định để đảm bảo các biện pháp hỗ trợ không vi phạm quy định về trợ cấp của WTO và các cam kết trong các FTA thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên. - Đề nghị Bộ Công Thương (cơ quan chủ trì) phối hợp chặt chẽ với cơ quan liên quan (trong đó có Bộ Xây dựng) trong việc tích hợp các nền tảng số hỗ trợ doanh nghiệp để tránh chồng chéo và lãng phí nguồn lực	Tiếp thu và đã chủ động rà soát nội dung để đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia. Tiếp thu và sẽ phối hợp trong quá trình triển khai thực hiện.

	Bộ Tư pháp	Về tên gọi của Nghị định: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc xác định tên của dự thảo Nghị định theo hướng thay thế cụm từ “ <i>Nghị định quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, khoản 4 Điều 12 và Điều 13 của Nghị quyết số 250/2025/QH15...</i> ” thành cụm từ khác để đảm bảo “ <i>tên gọi của văn bản là một câu ngắn gọn hoặc cụm từ phản ánh khái quát nội dung chủ yếu của văn bản</i> ” theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Tương ứng với đó, tên các chương của dự thảo Nghị định cũng cần được cân nhắc thể hiện theo hướng khái quát nội dung của chương.	Tiếp thu và chỉnh sửa tại Dự thảo Nghị định
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, khoản 4 Điều 12 và Điều 13 của nghị quyết số 250/2025/QH15 của quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế.	Hiệp hội Thông tin, tư vấn kinh tế thương mại Việt Nam	Cụm từ “nghị quyết số 250/2025/QH15 của quốc hội” cần viết hoa đúng chuẩn: “Nghị quyết số 250/2025/QH15 của Quốc hội”	Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp
	Quảng Ninh	Đề nghị rà soát, chỉnh sửa một số nội dung về thể thức và kỹ thuật trình bày trong dự thảo Nghị định; trong đó tại Điều 1 cần chỉnh sửa cách viết tên văn bản quy phạm pháp luật thành “Nghị quyết số 250/2025/QH15 của Quốc hội” để bảo đảm thống nhất theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa.
	Bộ Tư pháp	Đề nghị chỉnh lý Điều 1 dự thảo Nghị định để đảm bảo yêu cầu quy định tại Điều 65 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, trong đó liệt kê những điều khoản của Nghị quyết số 250/2025/QH15 (và nội dung) giao Chính phủ quy định chi tiết (chẳng hạn: Nghị định này quy định chi tiết Nghị quyết số 250/2025/QH15 về: “a) Khoản 2 Điều 9 về ...”; “b) Điều 13 về ...”).	Tiếp thu và chỉnh sửa tại Dự thảo Nghị định
Điều 2. Đối tượng áp dụng	Văn phòng Ban Chỉ	Đề nghị rà soát, cân nhắc bỏ cụm từ “cá nhân có liên quan” để tránh mở rộng đối tượng áp dụng quá phạm vi	Tiếp thu và đã chỉnh sửa.

Nghị định này áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, Hiệp hội ngành, nghề và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.	đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế - Bộ Công Thương	cần thiết; chỉ nên quy định “cơ quan, tổ chức có liên quan” nếu không có điều khoản điều chỉnh trực tiếp cá nhân.	
	Quảng Trị	Đề nghị rà soát, làm rõ hơn phạm vi áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương để bảo đảm thống nhất với các quy định hiện hành và thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện.	Tiếp thu và rà soát để làm rõ
Điều 3. Giải thích từ ngữ Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại là quỹ được sử dụng để hỗ trợ Hiệp hội ngành, nghề tham gia các vụ kiện phòng vệ thương mại ở nước ngoài, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của doanh nghiệp Việt Nam bị ảnh hưởng khi phía nước ngoài cáo buộc vận hành theo cơ chế kinh tế phi thị trường, phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.	Hiệp hội Thông tin, tư vấn kinh tế thương mại Việt Nam	Điều 3, thêm từ “không” vào trước câu “phù hợp với...”.	Tiếp thu một phần. Việc thêm từ “không” không thể hiện đúng nghĩa của câu. Thay dấu “,” bằng dấu “;” trước từ “phù hợp”, nhằm đảm bảo diễn đạt rõ ràng, mạch lạc hơn, tránh gây hiểu nhầm.
	Hiệp hội Cao su Việt Nam	Hiện dự thảo chỉ có nội dung giải thích từ ngữ về Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại, do vậy, cần bổ sung thêm phần giải thích từ ngữ của 2 nội dung: - Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do (FTA). - Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng.	Tiếp thu và sửa đổi tại Dự thảo Nghị định
	Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia – Bộ Công Thương	Đối với Điều 3: đề nghị bổ sung quy định giải thích từ ngữ để làm rõ nội hàm của “Hệ sinh thái tận dụng các FTA”.	Tiếp thu và đã bổ sung vào Dự thảo Nghị định.
	Bắc Ninh	Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ hơn khái niệm “Hệ sinh thái tận dụng các FTA”. Dự thảo hiện đã nêu, nhưng cách diễn đạt còn rộng, chung chung, thiên về mô tả chính sách, chưa thể hiện rõ đây là một hệ thống gồm những chủ thể nào, vận hành theo cơ chế nào, phạm vi hỗ trợ đến đâu.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa tại Dự thảo Nghị định

	Văn phòng Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế - Bộ Công Thương	Điều 3: (Giải thích từ ngữ): Xem xét bổ sung giải thích ngắn gọn về “Hệ sinh thái tận dụng các FTA).	Tiếp thu và đã bổ sung vào Dự thảo Nghị định
	Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương	Tại Điều 3, đề nghị làm rõ nội hàm của Hệ sinh thái tận dụng FTA để tạo sự thống nhất trong áp dụng.	Tiếp thu và đã bổ sung vào Dự thảo Nghị định
Điều 4. Nguồn lực bảo đảm cho việc xây dựng, vận hành và duy trì Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do (FTA) 1. Nguồn lực về cơ chế tạo thuận lợi và hỗ trợ, phục vụ việc tổ chức và vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA. 2. Nguồn lực tài chính, bao gồm ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. 3. Nguồn lực về thông tin, dữ liệu, hạ tầng công nghệ thông tin, các hệ thống, cơ sở vật chất phục vụ đánh giá sự phù hợp, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ các cam kết và quy định trong các hiệp định thương mại tự do. 4. Nguồn nhân lực, bao gồm đội ngũ cán bộ, chuyên gia và các tổ chức tham gia xây dựng, vận hành và hỗ trợ	Quảng Trị	Về quy định chi tiết tại khoản 2 Điều 9 của Nghị quyết: Đề nghị làm rõ cơ chế, điều kiện và trình tự thực hiện nhằm bảo đảm tính minh bạch, khả thi và phù hợp với thực tiễn triển khai tại các bộ, ngành và địa phương.	Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp vào Dự thảo Nghị định.
	Bộ Nội vụ	Tại Khoản 4 Điều 4 dự thảo Nghị định, đề nghị quy định rõ “đội ngũ cán bộ” bao gồm cán bộ, công chức, viên chức để bảo đảm thống nhất với quy định tại Điều 10 dự thảo Nghị định (nhân sự thuộc các cơ quan nhà nước).	Tiếp thu và đã chỉnh sửa vào Dự thảo Nghị định
	Gia Lai	Tại khoản 3 Điều 4, đề nghị chỉnh sửa quy định: “Nguồn lực về thông tin, dữ liệu, hạ tầng công nghệ thông tin, các hệ thống, cơ sở vật chất phục vụ đánh giá sự phù hợp, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ các cam kết và quy định trong các hiệp định thương mại tự do” thành: “Nguồn lực về thông tin, dữ liệu, hạ tầng công nghệ thông tin, các hệ thống, cơ sở vật chất phục vụ đánh	Tiếp thu và đã chỉnh sửa vào Dự thảo Nghị định

hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA.		giá sự phù hợp, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ các cam kết và quy định trong các FTA” để bảo đảm thống nhất với cách viết tắt “FTA” đã được sử dụng trong tên Điều. Đồng thời, đề nghị rà soát, chỉnh sửa các nội dung tương tự tại các điều khoản khác của dự thảo để bảo đảm thống nhất về thuật ngữ.	
Điều 5. Nguyên tắc bảo đảm, quản lý và sử dụng các nguồn lực của Hệ sinh thái tận dụng các FTA 1. Việc thiết lập, quản lý và sử dụng các nguồn lực đảm bảo cho việc xây dựng và vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm nhằm nâng cao hiệu quả tận dụng FTA, thúc đẩy xuất khẩu theo hướng giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững. 2. Nguồn lực được huy động đa dạng từ ngân sách nhà nước, khu vực tư nhân và các nguồn lực quốc tế; việc sử dụng gắn với kết quả đầu ra và tác động lan tỏa theo ngành hàng, chuỗi giá trị. 3. Cơ chế tạo thuận lợi và phân loại chủ thể tham gia được áp dụng trên cơ sở quản lý rủi ro, mức độ tuân thủ pháp luật, minh bạch thông tin và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. 4. Việc áp dụng cơ chế theo Nghị định này phải bảo đảm công khai, minh bạch, không phân biệt đối xử và phù	Hiệp hội Dệt may Việt Nam	I. Góp ý đối với Khoản 2 Điều 9 (Hệ sinh thái tận dụng FTA) 1. Về định hướng ưu tiên bố trí nguồn lực Dự thảo quy định nguyên tắc phân bổ nguồn lực theo hướng “có trọng tâm, trọng điểm”. Tuy nhiên, chưa làm rõ tiêu chí ưu tiên đối với các ngành xuất khẩu chủ lực. VITAS kiến nghị bổ sung quy định: “Ưu tiên bố trí nguồn lực Hệ sinh thái FTA đối với các ngành hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn, sử dụng nhiều lao động và chịu tác động mạnh từ rào cản thương mại quốc tế.” Việc bổ sung tiêu chí này nhằm: Tránh phân bổ nguồn lực dàn trải; Tập trung hỗ trợ các ngành có đóng góp lớn cho cán cân thương mại và an sinh xã hội; Tăng hiệu quả thực chất của cơ chế đặc thù theo tinh thần Nghị quyết.	Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp. Bộ Công Thương sẽ xây dựng và áp dụng Bộ tiêu chí lựa chọn ngành hàng và địa phương ưu tiên sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hệ sinh thái FTA. Trong Bộ tiêu chí này, sẽ bao gồm tiêu chí ưu tiên các ngành có kim ngạch xuất khẩu lớn theo lộ trình được phê duyệt. Tuy nhiên, do cần đảm bảo cho việc thúc đẩy cá ngành hàng tiềm năng nên việc cụ thể hóa tiêu chí tại Bộ tiêu chí lựa chọn ngành hàng và địa phương ưu tiên sẽ phù hợp.
	Hiệp hội Thông tin, tư vấn kinh tế thương mại Việt Nam	Nội dung Chương II: Quy định chi tiết khoản 2 Điều 9 a) Hiện nay Việt Nam đã ký Hiệp định thương mại với 166 nước và vùng lãnh thổ theo Hiệp định WTO, nhưng chỉ ký FTA với 60 nước. Còn 106 nước có quan hệ thương mại không nhỏ nhưng vẫn theo Hiệp định WTO. Những FTA khi ta xuất khẩu đến ngưỡng thị phần (Market Share) quy định thì cũng không được hưởng ưu đãi nữa (EVFTA). Để đa dạng hóa thị trường và đảm bảo công bằng cho các doanh nghiệp tích cực khai thác các thị trường chưa ký FTA lại có nhiều tranh chấp thương mại. Nên gọi hỗ trợ Thương mại nói chung thay	Về nguyên tắc, một chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh sẽ không hưởng đồng thời cùng một lúc hai cơ chế hỗ trợ theo Hệ sinh thái FTA với những cơ chế hỗ trợ đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đối với cùng một nội dung hỗ trợ nguồn nhân lực. Do đó, tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp theo hướng nội dung quét tại Điều 6 như sau:

hợp với quy định của pháp luật và cam kết quốc tế của Việt Nam.		cho Hệ sinh thái tận dụng các FTA. Do vậy, trong chương này tất cả các từ FTA nên thay bằng Hiệp định thương mại. b) Điều 7. Các cơ chế hỗ trợ: Trùng lặp với Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV): Nhiều mức hỗ trợ (50% chi phí chuyên đổi số, tư vấn, đào tạo...) đang trùng khớp với Nghị định 80/2021/NĐ-CP. Cần làm rõ: Nếu một doanh nghiệp vừa thuộc đối tượng của Luật DNNVV, vừa thuộc Hệ sinh thái này thì có được hưởng "kép" hay không? Nên quy định theo hướng "được lựa chọn mức ưu đãi cao nhất" để tránh ngân sách phải chi 2 lần.	<i>“Trường hợp cùng một nội dung đáp ứng điều kiện để được hưởng nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ khác nhau, doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất kinh doanh chỉ được lựa chọn áp dụng một cơ chế, chính sách hỗ trợ; không được hưởng đồng thời hoặc hưởng trùng lặp các hỗ trợ đó.”</i>
	Văn phòng BCĐLNHN QTKT – Bộ Công Thương	- Điều 5 và Điều 8 (Nguyên tắc quản lý, sử dụng và thực hiện hỗ trợ): Đề nghị bổ sung nguyên tắc công khai, minh bạch, đúng mục đích và không làm phát sinh cơ chế trợ cấp xuất khẩu trái với cam kết quốc tế; không được sử dụng nguồn lực để hỗ trợ hoạt động vi phạm các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa phù hợp vào Dự thảo Nghị định.
	Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương	Chương II: Tên chương, đề nghị xem xét quy định theo nội dung của chương ví dụ Xây dựng và vận hành hệ sinh thái FTA. - Điều 5, đề nghị xem xét, bổ sung quy định nguyên tắc quản lý sử dụng gắn với kết quả đầu ra và cơ chế kiểm tra giám sát, trường hợp sử dụng không đúng mục đích phải có biện pháp xử lý.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa vào Dự thảo Nghị định.
Điều 6. Đối tượng hưởng các nguồn lực của Hệ sinh thái tận dụng các FTA Các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tham gia Hệ sinh thái tận dụng các FTA được hưởng các biện pháp hỗ trợ theo Nghị định này là các chủ thể đáp ứng các điều kiện sau:	Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia – Bộ Công Thương	Đối với Điều 6: đề nghị bổ sung quy định cụ thể về cách thức để doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia Hệ sinh thái tận dụng các FTA; phương pháp, chủ thể, quy trình xác định các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đáp ứng các điều kiện được hưởng các biện pháp hỗ trợ theo Nghị định này.	Quy trình lựa chọn và xác nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tham gia Hệ sinh thái FTA sẽ được Bộ Công Thương cụ thể hóa khi Xây dựng và áp dụng Bộ tiêu chí lựa chọn thành viên Hệ sinh thái FTA sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hệ sinh thái FTA.

1. Tuân thủ pháp luật về thuế, hải quan, thương mại và các quy định pháp luật có liên quan; không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng về gian lận thương mại hoặc gian lận xuất xứ theo quy định của pháp luật. 2. Đang tham gia hoặc có kế hoạch tham gia chuỗi giá trị gắn với việc tận dụng các hiệp định thương mại tự do, bao gồm hoạt động sản xuất, cung ứng, dịch vụ hỗ trợ hoặc xuất khẩu. 3. Cam kết nghiêm túc tuân thủ các quy định, nội quy của Hệ sinh thái tận dụng các FTA.	Bộ Nội vụ	2. Tại Điều 6 dự thảo Nghị định, đề nghị đổi tên Điều thành “<i>Đối tượng và điều kiện hưởng các nguồn lực của Hệ sinh thái tận dụng các FTA</i>” để bảo đảm thống nhất với nội dung của Điều này. Đồng thời, tại khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định, đoạn “<i>Tuân thủ pháp luật về thuế, hải quan, thương mại và các quy định pháp luật có liên quan</i>” được hiểu là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh không được vi phạm pháp luật, trong khi đó, đoạn “không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng về gian lận thương mại hoặc gian lận xuất xứ theo quy định của pháp luật” lại được hiểu là có thể vi phạm pháp luật nhưng không được vi phạm ở mức nghiêm trọng. Điều này tạo ra sự mâu thuẫn giữa các nội dung của một khoản nên đề nghị Bộ Công Thương sửa lại cho phù hợp, bảo đảm doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia Hệ sinh thái tận dụng các FTA tuân thủ các quy định pháp luật, thống nhất với khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị định.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa vào Dự thảo Nghị định. Tiếp thu và đã chỉnh sửa, bỏ nội dung tạo ra sự mâu thuẫn này.
	Đắc Lắc	Tại Điều 6 - Chương II, đề nghị bổ sung: “Các doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí và yêu cầu chuyển đổi số, chuyển đổi xanh”	Quy trình lựa chọn và xác nhận doanh nghiệp tham gia Hệ sinh thái FTA sẽ được Bộ Công Thương cụ thể hóa khi Xây dựng và áp dụng Bộ tiêu chí lựa chọn thành viên Hệ sinh thái FTA sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hệ sinh thái FTA. Trong Bộ tiêu chí này, sẽ bao gồm tiêu chí chuyển đổi xanh, chuyển đổi số một cách phù hợp.
	Văn phòng BCĐLNHN QTKT – Bộ	Điều 6 (Đối tượng hưởng nguồn lực): Đề nghị cân nhắc quy định theo hướng ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành hàng có lợi thế cạnh tranh và có khả năng tận dụng hiệu quả cam kết FTA; xem xét lại	Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp. Việc có kế hoạch sẽ áp dụng để hỗ trợ các chủ thể có kế hoạch đầu tư rõ ràng và

	Công Thương	cụm từ “có kế hoạch tham gia” vì khá mơ hồ, có thể gây ra tình trạng khó xác định đối tượng doanh nghiệp hoặc bị lạm dụng.	sẵn sàng đón đầu cơ hội tận dụng các FTA.
	Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương	Điều 6, đề nghị làm rõ việc tuân thủ pháp luật thuế, hải quan, thương mại... sẽ được thực hiện thông qua hình thức nào, doanh nghiệp tự khai báo hay phải sự xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước. Quy trình, thủ tục xem xét các đối tượng thụ hưởng được thực hiện như thế nào, cần quy định cụ thể phương thức thực hiện, đồng thời cần làm rõ có Bộ Công Thương quy định cụ thể các tiêu chí, phương thức thực hiện hay không?... Bên cạnh đó, đề nghị xem xét bổ sung tiêu chí ưu tiên cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng...	Quy trình lựa chọn và xác nhận doanh nghiệp tham gia Hệ sinh thái FTA sẽ được Bộ Công Thương cụ thể hóa khi Xây dựng và áp dụng Bộ tiêu chí lựa chọn thành viên Hệ sinh thái FTA sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hệ sinh thái FTA.
Điều 7. Các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tham gia Hệ sinh thái tận dụng các FTA 1. Cơ chế tạo thuận lợi về thủ tục hành chính a) Được tự chứng nhận xuất xứ căn cứ theo cam kết quốc tế và phù hợp với quy định hiện hành; được ưu tiên về thời gian và thủ tục xử lý hồ sơ xin cấp chứng nhận xuất xứ để hưởng ưu đãi theo FTA. b) Được ưu tiên phân luồng xanh khi thực hiện thủ tục hải quan với điều kiện phải cam kết phối hợp đầy đủ với cơ quan hải quan khi có yêu cầu kiểm tra, hậu kiểm và hoàn toàn chịu trách	Gia Lai	Hiện có các khoản 1, 2, 4,... nhưng không có khoản 3, đề nghị bố cục lại cho phù hợp.	Tiếp thu và chỉnh sửa vào Dự thảo Nghị định
	Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam	Rà soát kỹ để tránh bị rơi vào “trợ cấp”: Dự thảo tại Điều 7 nhằm quy định các khung & mức hỗ trợ cho các chủ thể nhóm 2 (DN, HTX, HKD) cũng là cần thiết để tạo khung pháp lý hướng dẫn cho thực thi nay mai. Đứng trên góc độ đại diện cho cộng đồng DN ngành thủy sản thì Hiệp hội ủng hộ cho những cơ chế hỗ trợ này. Tuy nhiên, Hiệp hội VASEP cũng quan sát thấy rằng khi có các hỗ trợ “bằng tiền trực tiếp”, “lãi suất”... cho DN, HTX thì rất có thể sẽ rơi vào phạm trù “trợ cấp” mà một số cuộc điều tra chống trợ cấp (CVD) gần đây của DOC Hoa kỳ khởi xướng đối với sản phẩm/ngành hàng XK quan trọng. Góp ý, đề nghị: Ban soạn thảo nghiên cứu, rà soát và lấy thêm ý kiến chuyên gia từ Cục Phòng vệ Thương mại (BCT) cho những nội dung/phạm vi dự thảo này để đảm bảo chặt chẽ và khả thi.	Tiếp thu và chủ động rà soát để tránh các quy định về trợ cấp.

nhệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin đã khai báo. c) Được ưu tiên khi thực hiện việc kiểm tra chuyên theo nguyên tắc quản lý rủi ro, giảm tần suất kiểm tra. Tỷ lệ kiểm tra chuyên ngành không vượt quá 5% tổng số lô hàng trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm hoặc theo yêu cầu quản lý đặc thù. Miễn kiểm tra chuyên ngành theo lô đối với hàng hóa đã được kiểm tra đạt yêu cầu liên tục và không có vi phạm trong thời gian 12 tháng liền kề. d) Được ưu tiên về thời gian và thủ tục khi thực hiện hoàn thuế.	Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia – Bộ Công Thương	Đối với Điều 7 và Điều 8: đề nghị rà soát nhằm đảm bảo quy định về các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tham gia Hệ sinh thái tận dụng các FTA phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam, bao gồm các quy định pháp luật cạnh tranh.	Tiếp thu và chủ động rà soát để đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật cạnh tranh.
	Lào Cai	Về các cơ chế tạo thuận lợi thủ tục hành chính tại Khoản 1 Điều 7 Dự thảo Nghị định Dự thảo quy định các cơ chế “được ưu tiên về thời gian và thủ tục xử lý hồ sơ xin cấp chứng nhận xuất xứ”; “Được ưu tiên phân luồng xanh khi thực hiện thủ tục hải quan”; “Được ưu tiên về thời gian và thủ tục khi thực hiện hoàn thuế”. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, lượng hóa cụ thể mức độ “ưu tiên” về thời gian, thủ tục thực hiện. Vì trình tự, thời gian, hồ sơ của mỗi thủ tục hành chính đều thực hiện theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật, do vậy nếu không có quy định cụ thể các cơ quan chuyên ngành sẽ không có cơ sở pháp lý để thực hiện cơ chế ưu tiên này so với quy định pháp luật chuyên ngành hiện hành.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa vào dự thảo Nghị định.
	Bắc Ninh	Điều 7 - Các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tham gia Hệ sinh thái tận dụng các FTA - Về nội dung hỗ trợ: Cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tham gia Hệ sinh thái tận dụng các FTA có phạm vi khá rộng và một số nội dung trên thực tế hiện nay tại Trung ương và địa phương đã và đang triển khai nhiều chương trình, đề án hỗ trợ doanh nghiệp với nội dung tương tự, như: Chương trình khuyến công; xúc tiến thương mại; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; chuyển đổi số; OCOP, nông thôn mới, phát triển thương hiệu ... Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu làm rõ hơn cơ chế lồng ghép, phối hợp giữa Hệ sinh thái FTA với các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp hiện hành, trong đó cần xác định rõ nguyên tắc	- Về nguyên tắc, một doanh nghiệp sẽ không hưởng đồng thời cùng một lúc hai cơ chế hỗ trợ theo Hệ sinh thái FTA với những cơ chế hỗ trợ đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đối với cùng một nội dung hỗ trợ nguồn nhân lực. Do đó, tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp theo hướng nội dung quét tại Điều 6 như sau: <i>“Trường hợp cùng một nội dung đáp ứng điều kiện để được hưởng nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ khác nhau,</i>

		phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương, bảo đảm tránh trùng lặp nội dung hỗ trợ, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận. - Về mức hỗ trợ đối với một số nội dung hỗ trợ doanh nghiệp: Dự thảo Nghị định quy định nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp như: hỗ trợ chuyển đổi số, hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ ...Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương cho thấy, chi phí thực hiện các hoạt động này thường khá lớn, đặc biệt đối với các doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp xuất khẩu. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu rà soát mức hỗ trợ để bảo đảm phù hợp hơn với chi phí thực tế, đồng thời có thể xem xét quy định mức hỗ trợ linh hoạt theo quy mô doanh nghiệp hoặc theo lĩnh vực ngành hàng.	<i>doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất kinh doanh chỉ được lựa chọn áp dụng một cơ chế, chính sách hỗ trợ; không được hưởng đồng thời hoặc hưởng trùng lặp các hỗ trợ đó.”</i> - Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp vào dự thảo Nghị định.
	Hiệp Hội Dệt may Việt Nam	Về cơ chế tạo thuận lợi trong thủ tục hành chính Ngành dệt may có tần suất xuất khẩu lớn, số lượng lô hàng cao, do đó chi phí tuân thủ thủ tục hành chính ảnh hưởng đáng kể đến năng lực cạnh tranh. VITAS kiến nghị: - Cho phép doanh nghiệp có lịch sử tuân thủ tốt từ 03 năm liên tục được áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ mở rộng theo cam kết quốc tế; - Áp dụng cơ chế phân luồng xanh mặc định đối với doanh nghiệp xuất khẩu lớn từ 200 triệu USD trở lên, tuân thủ cao; các DN có KNKK thấp hơn mới phải qua cơ quan Hải quan xem xét công nhận; - Miễn kiểm tra chuyên ngành theo lô đối với doanh nghiệp không có vi phạm trong 12 tháng liên tục. Cơ chế này vừa phù hợp nguyên tắc quản lý rủi ro, vừa giảm chi phí giao dịch cho doanh nghiệp.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa phù hợp vào dự thảo Nghị định.

	Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương	Điều 7, đề nghị rà soát kỹ tất cả các cơ chế hỗ trợ và đánh giá tác động với hệ thống pháp luật hiện hành để đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật và tính khả thi trong thực tế, lý do hiện nay một số đề xuất đã được quy định tại pháp luật chuyên ngành ví dụ quy định về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa, tùy từng FTA mà có điều kiện khác nhau để doanh nghiệp được tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa như tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN được quy định tại Thông tư số 28/2015/TT-BCT, theo đó thương nhân phải đáp ứng điều kiện tại Điều 4 Thông tư này và được Bộ Công Thương cấp văn bản chấp thuận hoặc thủ tục cấp C/O, để được ưu tiên trong quy trình cấp C/O-luồng xanh (miễn, giảm, nộp chậm chứng từ, giảm thời gian cấp...) thương nhân phải đạt được một số tiêu chí nhất định quy định tại Thông tư số 15/2018/TT-BCT...sau khi rà soát, đánh giá, trường hợp cần thiết sửa đổi, các văn bản pháp luật chuyên ngành cần có kiến nghị cụ thể. Bên cạnh đó, đề nghị rà soát và làm rõ tất cả các cơ chế hỗ trợ không bị trùng lặp với hỗ trợ hiện nay ví dụ Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, Chương trình thương hiệu quốc gia... Ngoài ra, đề nghị rà soát để đảm bảo các cơ chế hỗ trợ tại dự thảo Nghị định phù hợp với cam kết quốc tế của Việt Nam.	Quy trình lựa chọn và xác nhận doanh nghiệp tham gia Hệ sinh thái FTA sẽ được Bộ Công Thương cụ thể hóa khi Xây dựng và áp dụng Bộ tiêu chí lựa chọn thành viên Hệ sinh thái FTA sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hệ sinh thái FTA. Tham gia Tổ công tác xây dựng Bộ tiêu chí này có đại diện các Bộ ngành, các tỉnh, thành phố và đơn vị liên quan để đảm bảo tính nhất quán trong thực thi. - Về nguyên tắc, một doanh nghiệp sẽ không hưởng đồng thời cùng một lúc hai cơ chế hỗ trợ theo Hệ sinh thái FTA với những cơ chế hỗ trợ đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đối với cùng một nội dung hỗ trợ nguồn nhân lực. Do đó, tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp theo hướng nội dung quét tại Điều 6 như sau: <i>“Trường hợp cùng một nội dung đáp ứng điều kiện để được hưởng nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ khác nhau, doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất kinh doanh chỉ được lựa chọn áp dụng một cơ chế, chính sách hỗ trợ; không được hưởng đồng thời hoặc hưởng trùng lặp các hỗ trợ đó.”</i>
	Quảng Ninh	- Tại điểm c Điều 7, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định như sau: “...Miễn kiểm tra chuyên ngành theo lô đối với hàng hóa nhập khẩu đã được kiểm tra đạt yêu cầu liên tục và không có vi phạm trong thời gian 12 tháng liền kề.” Lý do: Việc kiểm tra chuyên ngành theo	Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp vào dự thảo Nghị định.

		quy định của pháp luật Việt Nam chủ yếu áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu.	
	Bộ Tư pháp	- Điều 7 dự thảo Nghị định quy định nhiều hình thức hỗ trợ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tham gia Hệ sinh thái tận dụng các FTA. Tuy nhiên, các nội dung hỗ trợ này có phạm vi tương tự với các quy định trong hệ thống pháp luật hiện hành, đặc biệt là Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017. Ví dụ: cơ chế hỗ trợ công nghệ, hỗ trợ mở rộng thị trường, hỗ trợ về nguồn nhân lực... (đã được quy định tại Chương II Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017). Do đó, việc dự thảo Nghị định tiếp tục quy định các hình thức hỗ trợ tương tự có thể dẫn đến trùng lặp chính sách hỗ trợ, khó khăn trong việc phân định nguồn lực và chương trình thực hiện, nguy cơ doanh nghiệp đồng thời nhận nhiều hỗ trợ cho cùng một nội dung. Mặc dù, dự thảo Nghị định có quy định nguyên tắc “<i>không trùng lặp với các chương trình, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt</i>” (điểm a khoản 5 Điều 9), tuy nhiên, chưa làm rõ cơ chế phối hợp và phân định giữa các chương trình hỗ trợ. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, đối chiếu với các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp hiện hành để làm rõ phạm vi, đối tượng và nội dung hỗ trợ đặc thù của Hệ sinh thái FTA, tránh trùng lặp với các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. - Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ cơ sở để đưa ra các mức hỗ trợ quy định tại Điều 7 dự thảo Nghị định. - Đề nghị cân nhắc về quy định một tỷ lệ kiểm tra chuyên ngành tối đa áp dụng chung (không vượt quá 5%) tại điểm c khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị định vì theo Điều	- Đối tượng áp dụng của Điều 7 là các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh là thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA. Để trở thành thành viên của Hệ sinh thái các FTA các chủ thể này phải đáp ứng các tiêu chí cụ thể, rõ ràng do Bộ Công Thương xây dựng và ban hành, trong đó có rà soát và cam kết đảm bảo tính không trùng lặp khi đề xuất và tiếp nhận hỗ trợ. - Các định mức hỗ trợ được xây dựng trên cơ sở tham khảo các định mức hỗ trợ đã và đang triển khai trong văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, có điều chỉnh đối với một số định mức theo ý kiến của địa phương, hiệp hội, ngành hàng,...

	33 Luật Hải quan năm 2014 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15, việc kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được thực hiện trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro, do cơ quan hải quan quyết định trên cơ sở đánh giá mức độ tuân thủ của người khai hải quan và các yếu tố rủi ro khác. Đồng thời, các hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu còn được điều chỉnh bởi các hệ thống pháp luật chuyên ngành như pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; pháp luật về an toàn thực phẩm; pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật,... trong đó giao cơ quan quản lý chuyên ngành quyết định việc kiểm tra theo từng lĩnh vực. Do đó, việc dự thảo Nghị định quy định một tỷ lệ kiểm tra chuyên ngành tối đa áp dụng chung (không vượt quá 5%) có thể hạn chế thẩm quyền của các cơ quan quản lý chuyên ngành được quy định trong luật, dẫn đến chưa bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, sửa đổi theo hướng quy định nguyên tắc áp dụng quản lý rủi ro, thay vì ấn định tỷ lệ kiểm tra cụ thể; trường hợp giữ như quy định tại dự thảo Nghị định đề nghị phải có giải trình cụ thể về cơ sở pháp lý và thực tiễn. - Về hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại, Điều 7 dự thảo Nghị định quy định các hình thức hỗ trợ doanh nghiệp như tham gia hội chợ, triển lãm; quảng bá sản phẩm; kết nối thị trường và phát triển thương hiệu. Các nội dung này có phạm vi tương tự với các chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, được triển khai theo quy định của pháp luật về thương mại hiện hành. Theo đó, Nhà nước đã có chương trình xúc tiến thương mại quốc gia nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm; quảng bá thương hiệu; phát triển thị trường xuất khẩu. Do đó, việc dự thảo Nghị định tiếp tục quy định các nội dung hỗ trợ tương tự có thể dẫn đến trùng	- Tiếp thu và đã bỏ việc ấn định tỷ lệ kiểm tra chuyên ngành tối đa trong Dự thảo Nghị định. - Tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
--	--	---

		lập với chương trình xúc tiến thương mại quốc gia. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ tính đặc thù của các hoạt động xúc tiến thương mại trong khuôn khổ Hệ sinh thái FTA, đồng thời bảo đảm phối hợp, lồng ghép với các chương trình xúc tiến thương mại hiện hành để tránh dàn trải nguồn lực.	
2. Cơ chế hỗ trợ công nghệ a) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã và hộ kinh doanh và không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa. b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 20 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu	Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam	Mở rộng phạm vi doanh nghiệp: Từ khoản 2 đến khoản 10 của Điều 7 Dự thảo cho thấy các thiết kế hỗ trợ ở đây đều khoan hướng cho DN nhỏ, một số có DN vừa và gần như không có đối tượng DN lớn. Tuy nhiên, với tiêu chí (định nghĩa) DN nhỏ & vừa (theo số lao động) hiện nay thì một số ngành, trong đó đặc biệt thủy sản – sẽ đa phần thuộc dạng DN lớn. Đặc thù DN ngành thủy sản là sử dụng nhiều lao động hơn các ngành khác, nên rất dễ nhiều DN sẽ không thuộc đối tượng (nhỏ/vừa). Trong khi, hệ thống quản trị, nguồn nhân lực, lãi suất, công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thông tin, mở & giữ thị trường...thì lại rất cần hỗ trợ để nâng cao, đổi mới nhằm tận dụng ưu đãi, lợi thế do các FTA mang lại, Góp ý, đề nghị: Khi mà các hỗ trợ phần lớn mang tính “vốn môi, hỗ trợ môi” và các hỗ trợ này từ “hệ sinh thái FTA” cho các DN là để tận dụng các ưu đãi của FTA tức là cạnh tranh với các DN xuất khẩu từ các quốc gia khác nữa - thì ban soạn thảo xem xét mở rộng phạm vi doanh nghiệp thay vì chỉ “khóa” là cho một số DN nhỏ hoặc vừa như Dự thảo hiện nay.	Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp vào dự thảo Nghị định.

nhỏ; không quá 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã và hộ kinh doanh và không quá 100 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa. c) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp. d) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	Hiệp Hội Dệt may Việt Nam	Về hỗ trợ chuyển đổi số và chuyển đổi xanh Mức hỗ trợ tối đa 50-100 triệu đồng/năm hiện quy định là quá thấp so với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp dệt may, đặc biệt trong các lĩnh vực: - Hệ thống quản trị ERP và quản lý chuỗi cung ứng; - Hệ thống truy xuất nguồn gốc nguyên liệu phục vụ quy tắc xuất xứ; - Hệ thống đo lường và báo cáo phát thải khí nhà kính đáp ứng yêu cầu thị trường EU và các FTA thế hệ mới. VITAS kiến nghị: - Đối với ngành xuất khẩu chủ lực, nâng mức hỗ trợ lên mức phù hợp hơn (ví dụ 500 triệu – 1 tỷ đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa); - Bổ sung nội dung hỗ trợ chuyên biệt cho hệ thống truy xuất nguồn gốc và quản lý phát thải.	Tiếp thu và điều chỉnh phù hợp với nguồn lực.
	Hiệp hội Rau quả Việt Nam	Về các mức hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp (Điều 7) - Nội dung dự thảo: Khống chế mức hỗ trợ chuyển đổi số và tư vấn chuyên môn ở mức từ 20 triệu đến 150 triệu đồng tùy loại hình doanh nghiệp. - Kiến nghị: Nâng mức hỗ trợ trần lên ít nhất 1,5 - 2 lần đối với các hoạt động: Tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ tại thị trường nước ngoài và tư vấn giải pháp chuyển đổi số phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm. - Lý do: Chi phí thực tế để thuê chuyên gia quốc tế và triển khai các hệ thống tiêu chuẩn khắt khe tại các thị trường FTA thế hệ mới thường cao hơn nhiều so với mức dự thảo đang đề xuất.	Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp vào dự thảo Nghị định.

4. Cơ chế hỗ trợ thông tin a) Hỗ trợ miễn phí truy cập các thông tin trên Cổng thông tin và trang thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định hiện hành. b) Hỗ trợ thông tin về thị trường xuất nhập khẩu, thông tin về các quy định, tiêu chuẩn tại các thị trường FTA. c) Hỗ trợ thông tin về các hoạt động xúc tiến thương mại, triển lãm, hội chợ tại các thị trường FTA.	Gia Lai	Điều 7. Các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Hệ sinh thái tận dụng các FTA - Tại điểm a khoản 4 Điều 7 quy định: “Hỗ trợ miễn phí truy cập các thông tin trên Cổng thông tin và trang thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...”. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng thì chỉ quy định “Cổng thông tin điện tử” của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, không quy định “trang thông tin điện tử”. Do đó, đề nghị chỉnh sửa quy định trên thành: <i>“Hỗ trợ miễn phí truy cập các thông tin trên Cổng thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định hiện hành”.</i>	Tiếp thu và đã chỉnh sửa vào dự thảo Nghị định.
	Hiệp hội Thông tin, tư vấn kinh tế thương mại Việt Nam	Tại Điều 7, sau khoản 2 là đến khoản 4 (thiếu khoản 3). Cần đánh số lại để đảm bảo tính liên tục.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa vào dự thảo Nghị định.
5. Cơ chế hỗ trợ tư vấn chuyên môn theo ngành và chuỗi giá trị Các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh là Thành viên tham gia Hệ sinh thái FTA tiếp cận mạng lưới tư vấn viên theo quy định của pháp luật để được hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn về nhân sự, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản lý nội bộ và các nội dung		Không có ý kiến	

khác liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp được: a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/chủ thể là doanh nghiệp siêu nhỏ, hợp tác xã và hộ kinh doanh hoặc không quá 70 triệu đồng/năm/chủ thể là đối với doanh nghiệp siêu nhỏ, hợp tác xã và hộ kinh doanh do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp siêu nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp siêu nhỏ là doanh nghiệp xã hội. b) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 100 triệu đồng/năm/chủ thể là doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh hoặc không quá 150 triệu đồng/năm/chủ thể là đối với doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ là doanh nghiệp xã hội. c) Hỗ trợ tối đa 30% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 150 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp vừa hoặc không quá 200 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp vừa là doanh nghiệp xã hội.			
---	--	--	--

6. Cơ chế hỗ trợ nguồn nhân lực a) Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh và tối đa 70% tổng chi phí của một khóa quản trị doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã và hộ kinh doanh. b) Miễn học phí cho học viên của doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã và hộ kinh doanh thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã và hộ kinh doanh sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp xã hội khi tham gia khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp. c) Hỗ trợ tối đa 70% tổng chi phí của một khóa đào tạo tại doanh nghiệp	Bộ Nội vụ	Tại khoản 6 Điều 7 dự thảo Nghị định, đề nghị rà soát, bảo đảm những ưu tiên, cơ chế hỗ trợ dành cho doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ không chồng chéo, trùng lặp với những cơ chế hỗ trợ đã được quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan (Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017, Luật Hợp tác xã 2023, Luật Đấu thầu 2023, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025, các văn bản quy định chi tiết các luật này...).	Về nguyên tắc, một doanh nghiệp sẽ không hưởng đồng thời cùng một lúc hai cơ chế hỗ trợ theo Hệ sinh thái FTA với những cơ chế hỗ trợ đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đối với cùng một nội dung hỗ trợ nguồn nhân lực. Do đó, tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp theo hướng nội dung quét tại Điều 6 như sau: <i>“Trường hợp cùng một nội dung đáp ứng điều kiện để được hưởng nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ khác nhau, doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất kinh doanh chỉ được lựa chọn áp dụng một cơ chế, chính sách hỗ trợ; không được hưởng đồng thời hoặc hưởng trùng lặp các hỗ trợ đó.”</i>
---	-------------------------	--	---

nhỏ và vừa nhưng không quá 01 khoá/năm/doanh nghiệp. d) Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khoá đào tạo tại doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp xã hội nhưng không quá 01 khoá/năm/doanh nghiệp. đ) Hỗ trợ chi phí đào tạo cho người lao động của doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã và hộ kinh doanh khi tham gia khóa đào tạo nghề trình độ sơ cấp hoặc chương trình đào tạo từ 03 tháng trở xuống. Các chi phí còn lại do doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã và hộ kinh doanh và người lao động thỏa thuận. Người lao động	Nghệ An	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung một số nội dung: - Tại khoản 6, Điều 7 nội dung về “Quy định hỗ trợ chi phí đào tạo nghề cho người lao động đã làm việc tối thiểu 06 tháng”, Sở đề xuất bổ sung cơ chế phối hợp giữa Bộ Công Thương và các địa phương trong việc xác nhận điều kiện người lao động đã làm việc tối thiểu 06 tháng liên tục trước khi hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, đảm bảo nguồn lực hỗ trợ thực sự phục vụ cho mục tiêu nâng cao năng lực sản xuất của doanh nghiệp FTA.	Quy trình lựa chọn và xác nhận doanh nghiệp tham gia Hệ sinh thái FTA sẽ được Bộ Công Thương cụ thể hóa khi Xây dựng và áp dụng Bộ tiêu chí lựa chọn thành viên Hệ sinh thái FTA sau khi Chính phủ phê duyệt Đề án Hệ sinh thái FTA. Trong đó, Sở Công Thương của các tỉnh, thành phố sẽ tham gia Hệ sinh thái FTA nên sẽ có ý kiến khi lựa chọn và xác nhận đối tượng tham gia vào Hệ sinh thái FTA này.
--	-----------------------	---	--

tham gia khóa đào tạo phải đáp ứng điều kiện đã làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã và hộ kinh doanh tối thiểu 06 tháng liên tục trước khi tham gia khóa đào tạo. e) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tổ chức khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên sâu tại doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh nhưng không quá 50 triệu đồng/khoá/năm/doanh nghiệp. f) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đào tạo cho học viên của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh khi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu theo nhu cầu phát triển của ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 10 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm.	Cục Xuất nhập khẩu – Bộ Công Thương	Tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 6 Điều 7 về cơ chế hỗ trợ nguồn nhân lực: Đề nghị xem xét bổ sung hạn mức hỗ trợ tối đa để đảm bảo tránh việc trục lợi từ chính sách.	Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp vào dự thảo Nghị định.
7. Cơ chế hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đánh giá toàn diện năng lực của chủ thể là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã và hộ kinh doanh trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/chủ thể. b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn cải tiến, nâng cấp kỹ thuật chuyên sâu cho chủ thể là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh nhằm cải thiện năng lực sản xuất, đáp ứng yêu cầu kết nối, trở thành nhà		Không có ý kiến	

cung cấp của doanh nghiệp đầu chuỗi nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/chủ thể.			
8. Cơ chế hỗ trợ phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường a) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh. b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử quốc tế. c) Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia tại hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài. d) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao,		Không có ý kiến	

khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh. đ) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị nhưng không quá 20 triệu đồng/hợp đồng/năm/chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh.			
9. Cơ chế hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh; hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/ chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh. b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh.		Không có ý kiến	

c) Hỗ trợ 100% chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật nhưng không quá 20 triệu đồng/sản phẩm/năm/ chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh.			
10. Cơ chế hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng a) Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/ chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/ chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh. c) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/ chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh.		Không có ý kiến	

11. Cơ chế hỗ trợ lãi suất a) Trong từng thời kỳ, các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tham gia Hệ sinh thái tận dụng các FTA được hỗ trợ lãi suất khi vay vốn trung và dài hạn tại các tổ chức tín dụng để thực hiện phương án, dự án sản xuất - kinh doanh theo các nguyên tắc sau: i. Chưa được hưởng các chính sách ưu đãi về lãi suất của Nhà nước trong cùng một giai đoạn. ii. Ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất cho chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh theo phương thức hỗ trợ sau đầu tư. Mỗi chủ thể được hỗ trợ lãi suất đối với 01 phương án, dự án sản xuất - kinh doanh trong cùng một giai đoạn. iii. Doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh vay vốn được tổ chức tín dụng thẩm định và quyết định cho vay theo quy định của pháp luật về cho vay của tổ chức tín dụng.	Gia Lai	Không sử dụng các ký hiệu i, ii, iii... trong một điểm để thể hiện các ý nhỏ, bảo đảm phù hợp quy định về kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa vào dự thảo Nghị định
	Nghệ An	Tại khoản 11, Điều 7 nội dung về “Hỗ trợ lãi suất”: Cần quy định rõ quy trình xác nhận doanh nghiệp đang "tham gia Hệ sinh thái FTA" để làm căn cứ cho các tổ chức tín dụng tại địa phương áp dụng mức chênh lệch lãi suất 2%/năm.	Quy trình lựa chọn và xác nhận doanh nghiệp tham gia Hệ sinh thái FTA sẽ được Bộ Công Thương cụ thể hóa khi Xây dựng và áp dụng Bộ tiêu chí lựa chọn thành viên Hệ sinh thái FTA sau khi Chính phủ phê duyệt Đề án Hệ sinh thái FTA.
	Khánh Hòa	Về bố cục nội dung thuộc điểm a, b khoản 11 Điều 7: Đề nghị bố cục nội dung thuộc các khoản đảm bảo có sự thống nhất.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa vào dự thảo Nghị định.

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tham gia Hệ sinh thái tận dụng các FTA được cơ chế hỗ trợ về tín dụng như sau: i. Trong từng thời kỳ, mức chênh lệch lãi suất được ngân sách nhà nước cấp bù cho các khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tham gia Hệ sinh thái tận dụng các FTA thông qua các tổ chức tín dụng là 2%/năm. ii. Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay có hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tham gia Hệ sinh thái tận dụng các FTA trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước bố trí; thực hiện tạm ứng, thanh toán, quyết toán theo các quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. ii. Doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tham gia Hệ sinh thái tận dụng các FTA được hưởng hỗ trợ lãi suất chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin cung cấp liên quan tới phương án, dự án sản xuất - kinh doanh thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất; hoàn trả số tiền được hỗ trợ lãi suất khi vi phạm các quy định về hỗ trợ lãi suất và pháp luật về cho vay của tổ chức tín dụng.	Hiệp hội Dệt may Việt Nam	Về hỗ trợ đầu tư Khâu dệt – nhuộm – hoàn tất là mắt xích còn yếu trong chuỗi cung ứng nội địa, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng đáp ứng quy tắc xuất xứ “tù sợi trở đi” của CPTPP và “tù vải trở đi” của EVFTA. VITAS kiến nghị: - Xem xét nâng mức hỗ trợ lãi suất đối với dự án sản xuất nguyên phụ liệu, dệt – nhuộm và dự án công nghệ xanh lên mức cao hơn mức chung; - Kéo dài thời gian hỗ trợ đối với dự án có vốn đầu tư lớn, thời gian hoàn vốn dài.	Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp vào dự thảo Nghị định.
	Quảng Ninh	- Đề nghị xem xét bỏ quy định về cơ chế hỗ trợ lãi suất tại Khoản 11 Điều 7 của dự thảo Nghị định. Lý do: (i) Thứ nhất, nội dung về hỗ trợ lãi suất không được quy định tại khoản 2 Điều 9, khoản 4 Điều 12 và Điều 13 của Nghị quyết số 250/2025/QH15 - là căn cứ để xây dựng Nghị định này. Do đó, việc bổ sung chính sách hỗ trợ lãi suất trong dự thảo Nghị định cần được rà soát để bảo đảm phù hợp với phạm vi nội dung được Quốc hội giao quy định chi tiết; (ii) Thứ hai, cơ chế hỗ trợ lãi suất là chính sách tài chính - tín dụng có thể tác động đến hoạt động thương mại quốc tế và cần được nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng về nguồn lực thực hiện, cũng như sự phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam trong khuôn khổ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Hiệp định CPTPP và EVFTA, trong đó có các quy định liên quan đến trợ cấp và các biện pháp phòng vệ	Tại Khoản 2, Điều 9, Nghị quyết số 250/2025/QH15 nêu rõ: “Chính phủ bảo đảm nguồn lực cho việc xây dựng và vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội để hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tận dụng ưu đãi, lợi thế do các FTA mang lại.” Nguồn lực này được định nghĩa tại dự thảo này có 4 loại nguồn lực, bao gồm nguồn lực tài chính như lãi suất.

		thương mại nhằm bảo đảm môi trường cạnh tranh công bằng trong thương mại quốc tế. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu rà soát và cân nhắc bỏ quy định nêu trên để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam.	
	Bộ Tư pháp	Điểm b khoản 11 Điều 7 dự thảo Nghị định quy định: “<i>Trong từng thời kỳ, mức chênh lệch lãi suất được ngân sách nhà nước cấp bù cho các khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tham gia Hệ sinh thái tận dụng các FTA thông qua các tổ chức tín dụng là 2%/năm</i>”. Việc đưa ra mức cấp bù 2% nhưng chưa xác định rõ và đánh giá quy mô ngân sách, cơ chế bố trí nguồn kinh phí và thời gian thực hiện có thể gây khó khăn trong việc bố trí và quản lý ngân sách nhà nước. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, làm rõ cơ sở pháp lý và cơ chế bố trí nguồn kinh phí, đánh giá quy mô ngân sách để thực hiện cơ chế cấp bù lãi suất này.	Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp vào dự thảo Nghị định
Điều 8. Nguyên tắc thực hiện cơ chế hỗ trợ 1. Cơ chế tạo thuận lợi và hỗ trợ được áp dụng trên cơ sở mức độ tuân thủ của chủ thể và được xem xét điều chỉnh, tạm dừng hoặc chấm dứt trong trường hợp chủ thể không còn đáp ứng các tiêu chí theo quy định. 2. Việc áp dụng cơ chế tạo thuận lợi và hỗ trợ không làm phát sinh ưu đãi thuế, trợ cấp xuất khẩu hoặc các hình thức hỗ trợ khác trái với quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	Bộ Nội vụ	Đề nghị cân nhắc gộp Điều 8 vào Điều 5 để thống nhất quy định các nguyên tắc tại dự thảo Nghị định.	Tiếp thu và đã gộp nội dung Điều 8 vào nội dung Điều 5 với chỉnh sửa tên cho phù hợp.
	Bộ Ngoại giao	Cân nhắc ghép Điều 5 và Điều 8 dự thảo Nghị định thành một Điều về nguyên tắc vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA.	Tiếp thu và đã gộp nội dung Điều 8 vào nội dung Điều 5 với chỉnh sửa tên cho phù hợp.

3. Cơ chế tạo thuận lợi và hỗ trợ được thực hiện theo nguyên tắc công bằng, minh bạch, bảo đảm mọi chủ thể đáp ứng đủ điều kiện đều có quyền tiếp cận và thụ hưởng theo quy định.			
Điều 9. Nguồn lực tài chính phục vụ Hệ sinh thái FTA 1. Phân loại nguồn lực tài chính Nguồn lực tài chính phục vụ việc xây dựng và vận hành Hệ sinh thái FTA bao gồm: a) Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. b) Nguồn huy động từ khu vực tư nhân trong nước, trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. c) Nguồn viện trợ không hoàn lại, hỗ trợ kỹ thuật và tài trợ của tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế, theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng viện trợ. d) Các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.	Bộ Nội vụ	Đề nghị gộp khoản 1 Điều 9 với Điều 4 dự thảo Nghị định để thống nhất quy định về nguồn lực tài chính tại một điều và gộp khoản 5 Điều 9 vào Điều 5 dự thảo Nghị định để bảo đảm thống nhất quy định về nguyên tắc sử dụng nguồn lực tại một điều trong dự thảo Nghị định; đồng thời, đề nghị sửa tên Điều 9 để bảo đảm phù hợp với các nội dung còn lại về các cơ chế tài chính (khoản 2, 3, 4 Điều 9).	Nội dung Điều 4 là Phân loại các loại nguồn lực. Đối với mỗi loại nguồn lực, tại các Điều tiếp theo như Điều 9, Điều 10 và 11 sẽ có Phân loại chi tiết và Cơ chế chi tiết đối với mỗi loại nguồn lực cụ thể để đảm bảo tính rõ ràng, cụ thể. Do đó, giữ nguyên không gộp Khoản 1 Điều 9 vào Điều 4 nhưng có rà soát lại lời văn cho cụ thể hơn.
2. Cơ chế đối với nguồn ngân sách nhà nước a) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Hệ sinh thái FTA được bố trí ổn định, hàng năm và tập trung tại một	Thanh tra Chính phủ	Về cơ chế đối với nguồn ngân sách nhà nước Tại điểm b, Khoản 2. Điều 9 dự thảo Nghị định quy định: “Các hoạt động của Hệ sinh thái FTA được thực hiện theo cơ chế khoán chi theo nhiệm vụ hoặc theo sản phẩm đầu ra trên cơ sở dự toán tổng hợp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không yêu cầu thẩm định, phê	Tiếp thu và đã chỉnh sửa vào dự thảo Nghị định.

đầu mỗi trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Bộ Công Thương. b) Các hoạt động của Hệ sinh thái FTA được thực hiện theo cơ chế khoán chi theo nhiệm vụ hoặc theo sản phẩm đầu ra trên cơ sở dự toán tổng hợp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không yêu cầu thẩm định, phê duyệt riêng đối với từng hoạt động, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. c) Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện theo cơ chế hậu kiểm, đơn vị được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả sử dụng ngân sách và quyết toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.		duyet riêng đối với từng hoạt động, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.” Tuy nhiên, nội dung dự thảo không quy định rõ căn cứ xác định sản phẩm đầu ra, tiêu chí nghiệm thu và trách nhiệm của đơn vị được giao nhiệm vụ dẫn đến khó khăn trong quá trình thanh toán, quyết toán ngân sách và công tác kiểm tra, thanh tra.	
	Gia Lai	Về nguồn lực tài chính thực hiện Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ hơn cơ chế huy động và phân bổ nguồn kinh phí để triển khai các hoạt động của Hệ sinh thái FTA, trong đó cần xem xét cơ chế hỗ trợ từ ngân sách Trung ương đối với các địa phương còn khó khăn trong việc bố trí nguồn lực, nhằm bảo đảm khả năng triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.	Tiếp thu và đã bổ sung vào dự thảo Nghị định.
	Quảng Ninh	Tại điểm a khoản 2 Điều 9 của dự thảo Nghị định quy định kinh phí thực hiện các hoạt động của Hệ sinh thái FTA được bố trí tập trung trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Bộ Công Thương. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu làm rõ cơ chế phối hợp giữa Bộ Công Thương với các bộ, ngành và địa phương trong việc tổ chức triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tham gia Hệ sinh thái tận dụng các hiệp định thương mại tự do, bảo đảm tính khả thi khi triển khai trên thực tế.	Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp vào dự thảo Nghị định.
3. Cơ chế huy động và sử dụng nguồn lực từ khu vực tư nhân trong nước a) Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, hiệp hội ngành hàng, tổ chức tín dụng và các tổ chức có liên quan tham gia đồng tài trợ hoặc đóng		Không có ý kiến	

góp tự nguyện cho các hoạt động của Hệ sinh thái FTA. b) Việc đồng tài trợ được thực hiện theo dự án, nhiệm vụ hoặc hoạt động cụ thể, trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên, trong đó một Bên là đơn vị được giao vận hành Hệ sinh thái FTA thuộc cấu phần doanh nghiệp, về mục tiêu, phạm vi, nội dung và trách nhiệm thực hiện, bảo đảm công khai, minh bạch. c) Các khoản đóng góp tự nguyện được tiếp nhận, quản lý và hạch toán riêng tại đơn vị được giao vận hành Hệ sinh thái FTA thuộc cấu phần doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, không hình thành quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. d) Việc đóng góp tự nguyện không phải là điều kiện, tiêu chí hoặc căn cứ để xem xét áp dụng cơ chế tạo thuận lợi hoặc các hình thức hỗ trợ khác theo Nghị định này.			
4. Cơ chế tiếp nhận và sử dụng nguồn viện trợ, tài trợ quốc tế a) Ưu tiên tiếp nhận các khoản viện trợ không hoàn lại và hỗ trợ kỹ thuật phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nâng cao năng lực, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển chuỗi giá trị nhằm tận dụng các hiệp định thương mại tự do. b) Đối với các khoản viện trợ không hoàn lại và hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo, tư	Bộ Ngoại giao	Làm rõ sự cần thiết và cơ sở pháp lý của đề xuất tại điểm c khoản 4 Điều 9 quy định trong trường hợp thỏa thuận tài trợ có quy định về cơ chế tài chính, mua sắm, quản lý và giải ngân khác với quy định của pháp luật trong nước thì cho phép áp dụng theo thỏa thuận với nhà tài trợ	Hiện nay, các khoản viện trợ không hoàn lại phần lớn do nhà tài trợ quản lý theo quy chế của nhà tài trợ, không liên quan tới thẩm quyền chủ quản lý dự án. Do đó, đề xuất này nhằm phản ánh đúng thực tế cơ thực tiễn và cũng phù hợp qu định của pháp luật.

vấn, chuyên gia hoặc hỗ trợ hiện vật không hình thành nghĩa vụ nợ công và không chuyển vào ngân sách nhà nước, việc tiếp nhận được thực hiện theo cơ chế viện trợ phi dự án. Trong đó, giao Bộ Công Thương là đơn vị chủ trì xây dựng và vận hành Hệ sinh thái FTA làm đầu mối tiếp nhận và xử lý hồ sơ, áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn, không yêu cầu phê duyệt riêng đối với từng hoạt động trong khuôn khổ văn kiện viện trợ đã được chấp thuận, thực hiện theo phân cấp thẩm quyền của pháp luật, bảo đảm rút ngắn tối đa thời gian xử lý. c) Trường hợp thỏa thuận tài trợ có quy định về cơ chế tài chính, mua sắm, quản lý và giải ngân khác với quy định của pháp luật trong nước, việc thực hiện áp dụng theo thỏa thuận với nhà tài trợ, không trái với Hiến pháp và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. d) Đối với các khoản viện trợ bằng tiền chuyển vào ngân sách nhà nước, việc quản lý, sử dụng và quyết toán thực hiện theo pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.			
--	--	--	--

5. Nguyên tắc quản lý và phân bổ nguồn lực tài chính a) Việc phân bổ và sử dụng nguồn lực phải bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, không trùng lặp với các chương trình, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. b) Việc phân bổ nguồn lực được gắn với kết quả đầu ra, bao gồm nâng cao hiệu quả tận dụng các hiệp định thương mại tự do, tăng tỷ lệ giá trị gia tăng trong nước và thúc đẩy phát triển bền vững. c) Ưu tiên bố trí nguồn lực cho các hoạt động có tác động lan tỏa theo ngành hàng hoặc chuỗi giá trị.	Thanh tra Chính phủ	Về nguyên tắc quản lý và phân bổ nguồn lực tài chính Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 5, Điều 9 dự thảo như sau: “Việc phân bổ và sử dụng các nguồn lực phải đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, không trùng lặp với các chương trình, đề án, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa vào dự thảo Nghị định.
Điều 10. Nguồn nhân lực phục vụ Hệ sinh thái FTA 1. Phân loại nguồn nhân lực Nguồn nhân lực phục vụ xây dựng và vận hành Hệ sinh thái FTA bao gồm: a) Nhân sự thuộc các cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ liên quan đến việc xây dựng, quản lý và vận hành Hệ sinh thái FTA. b) Chuyên gia, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chuyên môn trong và ngoài nước được huy động thông qua cơ chế hợp đồng, phù hợp với quy định của pháp luật. 2. Cơ chế đối với nhân sự thuộc cơ quan nhà nước a) Bộ Công Thương được giao chủ trì xây dựng và vận hành Hệ sinh thái	Bộ Nội vụ	Tại Điều 10 dự thảo Nghị định, đề nghị đánh giá cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn để quy định về cán bộ chuyên trách thực hiện các nhiệm vụ điều phối, hỗ trợ và giám sát hoạt động của Hệ sinh thái FTA vì Nghị quyết số 250/2025/QH15 không quy định về nội dung này.	Khoản 2 Điều 9 của Nghị quyết 250/2025/NQ15 có quy định là “Chính phủ đảm bảo nguồn lực cho việc xây dựng và vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội để hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hội kinh doanh tận dụng ưu đãi, lợi thế do các FTA mang lại. Do nguồn lực này đã được cụ thể hóa tại Điều 4 của Dự thảo Nghị định này bao gồm cả nguồn nhân lực. Do đó, việc xây dựng nhiệm vụ cho cán bộ, công chức chuyên trách thêm các nhiệm vụ điều phối, hỗ trợ và giám sát hoạt động của Hệ sinh thái là hoàn toàn thuộc phạm vi điều chỉnh của Khoản 2 Điều 9. Tuy nhiên, để cho rõ nghĩa hơn, cụm

FTA bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm để thực hiện các nhiệm vụ điều phối, hỗ trợ và giám sát hoạt động của Hệ sinh thái FTA. b) Cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp tham gia vận hành Hệ sinh thái FTA được áp dụng cơ chế biệt phái hoặc kiêm nhiệm; chế độ, chính sách về phụ cấp, thù lao hoặc cơ chế khuyến khích được thực hiện theo quy định của Chính phủ, phù hợp với tính chất chuyên môn, mức độ trách nhiệm và kết quả thực hiện nhiệm vụ. c) Việc phân công và sử dụng nhân sự được thực hiện linh hoạt theo nhiệm vụ, dự án hoặc chuyên đề, nhằm bảo đảm hiệu quả chuyên môn và tính kịp thời trong hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh.			từ “<i>nhân sự</i>” được cụ thể hóa thành “<i>cán bộ, công chức và viên chức</i>” cho phù hợp với quy định và nhất quán trong Dự thảo.
	Nghệ An	- Đối với nội dung tại Điều 10 về “Nguồn nhân lực”: Cần có chương trình đào tạo chuyên sâu dành riêng cho cán bộ của Sở Công Thương để đội ngũ cán bộ chuyên trách đáp ứng năng lực vận hành, hướng dẫn doanh nghiệp tham gia Hệ sinh thái FTA tại địa phương - Đối với nội dung về “Nguồn nhân lực”: Cần có chương trình đào tạo chuyên sâu dành riêng cho cán bộ của Sở Công Thương (thuộc nhóm nhân sự cơ quan nhà nước tại Điều 10) để đội ngũ cán bộ chuyên trách đáp ứng năng lực vận hành, hướng dẫn doanh nghiệp tham gia Hệ sinh thái FTA tại địa phương.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa vào dự thảo Nghị định.
	Cà Mau	Tại điểm b, Khoản 2, Điều 10 quy định “Cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp tham gia vận hành Hệ sinh thái FTA được áp dụng cơ chế biệt phái hoặc kiêm nhiệm; chế độ, chính sách về phụ cấp, thù lao hoặc cơ chế khuyến khích được thực hiện theo quy định của Chính phủ, phù hợp với tính chất chuyên môn, mức độ trách nhiệm và kết quả thực hiện nhiệm vụ.”. Đề nghị nghiên cứu, cụ thể hóa nội dung quy định nêu trên, làm rõ chế độ, chính sách về định mức phụ cấp, thù lao hoặc cơ chế khuyến khích được thực hiện dẫn chiếu theo quy định tại điều, khoản nào của văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, bảo đảm tính rõ ràng và khả thi khi triển khai thực hiện.	- Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp. Theo đó, thành viên của Tổ công tác thuộc hệ sinh thái FTA sẽ bao gồm các cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan quản lý trung ương và địa phương được cử làm đầu mối. Chế độ, chính sách này áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật thực thi hiện hành như Điểm c, Khoản 1, Điều 22 của Nghị quyết số 250/NQ/QH15. Trường hợp Cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng điều kiện hưởng nhiều cơ chế, chính sách thù lao khác nhau thì chỉ được lựa chọn áp dụng một cơ chế, chính sách.

3. Cơ chế huy động chuyên gia và tổ chức cung cấp dịch vụ chuyên môn a) Được thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chuyên môn trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động tư vấn chuyên sâu, đào tạo, nghiên cứu, phát triển hệ thống và hỗ trợ doanh nghiệp phục vụ Hệ sinh thái FTA. b) Việc ký kết hợp đồng và xác định mức thù lao, chi phí thực hiện được căn cứ vào yêu cầu chuyên môn, chất lượng dịch vụ và mặt bằng giá thị trường, theo quy định của pháp luật có liên quan. c) Chi phí thực hiện được bảo đảm từ các nguồn lực tài chính quy định tại Điều 8 của Nghị định này.	Gia Lai	Tại điểm c khoản 3 Điều 10, đề nghị chỉnh sửa nội dung: “Chi phí thực hiện được bảo đảm từ các nguồn lực tài chính quy định tại Điều 8 của Nghị định này” thành: “Chi phí thực hiện được bảo đảm từ các nguồn lực tài chính quy định tại Điều 9 của Nghị định này” để bảo đảm chính xác về điều khoản được viện dẫn.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa vào dự thảo Nghị định.
b) Việc ký kết hợp đồng và xác định mức thù lao, chi phí thực hiện được căn cứ vào yêu cầu chuyên môn, chất lượng dịch vụ và mặt bằng giá thị trường, theo quy định của pháp luật có liên quan. c) Chi phí thực hiện được bảo đảm từ các nguồn lực tài chính quy định tại Điều 8 của Nghị định này.	Quảng Ninh	Tại điểm c khoản 3 Điều 10: Đề nghị sửa đổi như sau: “Chi phí thực hiện được bảo đảm từ các nguồn lực tài chính quy định tại Điều 9 của Nghị định này”. Lý do: Theo dự thảo Nghị định, Điều 8 quy định về nguyên tắc thực hiện cơ chế hỗ trợ, trong khi Điều 9 quy định về nguồn lực tài chính phục vụ Hệ sinh thái tận dụng các hiệp định thương mại tự do (FTA). Vì vậy, việc dẫn chiếu đến Điều 8 tại khoản 3 điểm c Điều 10 là chưa phù hợp về nội dung; đề nghị điều chỉnh dẫn chiếu sang Điều 9 để bảo đảm thống nhất và chính xác trong dự thảo Nghị định	Tiếp thu và đã chỉnh sửa vào dự thảo Nghị định.
4. Nguyên tắc quản lý và sử dụng nguồn nhân lực a) Bảo đảm công khai, minh bạch và hiệu quả trong việc lựa chọn, huy động và sử dụng chuyên gia. b) Gắn trách nhiệm với kết quả thực hiện nhiệm vụ, làm căn cứ đánh giá, thanh toán và tiếp tục hợp tác. c) Ưu tiên phát triển và huy động đội ngũ chuyên gia có năng lực chuyên môn cao trong các lĩnh vực liên quan đến các hiệp định thương mại tự do.		Không có ý kiến	

Điều 11. Nguồn lực về thông tin, dữ liệu, cơ sở hạ tầng công nghệ và các hệ thống, cơ sở vật chất đánh giá tiêu chuẩn quy chuẩn hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ quy định trong các FTA 1. Phân loại nguồn lực Nguồn lực về thông tin, dữ liệu, hạ tầng công nghệ và các hệ thống, cơ sở vật chất đánh giá tiêu chuẩn, quy chuẩn phục vụ việc xây dựng và vận hành Hệ sinh thái FTA bao gồm: a) Cơ sở dữ liệu về cam kết trong các hiệp định thương mại tự do, quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, rào cản thương mại và các thông tin có liên quan. b) Nền tảng số và các công cụ điện tử hỗ trợ doanh nghiệp tra cứu, tự đánh giá và thực hiện các thủ tục liên quan đến việc tận dụng FTA. c) Hạ tầng kỹ thuật phục vụ kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật. d) Hệ thống, phòng thử nghiệm, đánh giá sự phù hợp phục vụ việc đánh giá tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định. e) Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của Văn phòng Hệ sinh thái FTA, bao gồm đầu tư ban đầu và nâng cấp trong quá trình vận hành.	Gia Lai Bộ Nội vụ	Hiện có các điểm a, b, c, d, e nhưng không có điểm đ, đề nghị rà soát lại. Đề nghị gộp khoản 4 Điều 10 và khoản 3 Điều 11 vào Điều 5 dự thảo Nghị định để thống nhất quy định nguyên tắc sử dụng các nguồn lực tại một điều.	Tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo Nghị định Nội dung Điều 5 là Nguyên tắc và cơ chế chung về bảo đảm, quản lý và sử dụng các nguồn lực của Hệ sinh thái tận dụng các FTA. Trong khi đó, nội dung Khoản 4 Điều 10 và Khoản 3 Điều 11 là các nguyên tắc đặc thù gắn với từng loại nguồn nhân lực nên việc tách riêng sẽ đảm bảo tính rõ ràng, mạch lạc.
---	---	--	---

2. Cơ chế bảo đảm và triển khai a) Nhà nước bảo đảm đầu tư, duy trì và nâng cấp hệ thống văn phòng, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, nền tảng số và cơ sở dữ liệu tích hợp về các hiệp định thương mại tự do, theo hướng đồng bộ, liên thông, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận và sử dụng. b) Việc tích hợp, chia sẻ và khai thác dữ liệu điện tử giữa các hệ thống hải quan, thuế và cơ quan quản lý chuyên ngành được thực hiện nhằm phục vụ quản lý rủi ro và hỗ trợ doanh nghiệp, theo quy định của pháp luật. c) Áp dụng nguyên tắc hạn chế yêu cầu doanh nghiệp cung cấp lại thông tin đã có trong các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước; thực hiện tự động đối chiếu và xác nhận dữ liệu trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của cơ quan có thẩm quyền.	Nghệ An	Tại Điều 11 có nêu về “Việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống hải quan, thuế”, Sở đề nghị bổ sung quyền truy cập và khai thác dữ liệu cho Sở Công Thương các tỉnh/thành phố đối với phân đoạn dữ liệu liên quan đến doanh nghiệp trên địa bàn quản lý để Sở có thể chủ động tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp kịp thời.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa vào dự thảo Nghị định
	Gia Lai	Về hệ thống thông tin và dữ liệu phục vụ Hệ sinh thái FTA Đề nghị nghiên cứu bổ sung cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ sinh thái FTA với các hệ thống thông tin của địa phương, các trung tâm xúc tiến thương mại và các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận thông tin về thị trường, quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định của các thị trường FTA.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa vào dự thảo Nghị định.
3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng a) Bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và an ninh mạng. b) Bảo đảm việc sử dụng dữ liệu đúng mục đích, có kiểm soát, không làm phát sinh thủ tục hành chính không cần thiết đối với doanh nghiệp.		Không có ý kiến	

c) Gắn phát triển hạ tầng số với mục tiêu rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.			
Điều 12. Nguồn hình thành Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại Nguồn hình thành Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại bao gồm: 1. Khoản trích hằng năm từ nguồn thu thuế phòng vệ thương mại áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam. Mức trích do Bộ Tài chính xác định, cân đối vào cuối năm tài chính, nhưng không vượt quá 10% tổng số thu thuế phòng vệ thương mại thực thu trong năm ngân sách đó. 2. Đóng góp của doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng và các tổ chức, cá nhân theo nguyên tắc tự nguyện; trường hợp doanh nghiệp, hiệp hội được hưởng lợi trực tiếp, đáng kể từ việc sử dụng Quỹ thì có trách nhiệm xem xét, đóng góp trở lại Quỹ theo quy chế hoạt động của Quỹ; 3. Nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; 4. Các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.	Hiệp hội Cao su Việt Nam	Nội dung hình thành, thành lập và quản lý Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại (như quy chế hoạt động, quy chế quản lý tài chính Quỹ...) chưa được nêu rõ, cụ thể. Tuy nhiên, Hiệp hội và doanh nghiệp hội viên Hiệp hội sẽ thực hiện khi nội dung được cấp có thẩm quyền thông qua, ban hành.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và không đưa nội dung quy định chi tiết khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 vào dự thảo Nghị định. Như vậy, dự thảo Nghị định sẽ chỉ quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 250/2025/QH15 như được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg.
	Hiệp hội Dệt may Việt Nam	Về nguồn trích lập quỹ: Mức trích tối đa 10% số thu thuế phòng vệ thương mại có thể chưa đủ trong trường hợp phát sinh vụ việc lớn. Đề nghị áp dụng cơ chế linh hoạt điều chỉnh mức trích lập trong trường hợp đặc biệt, bảo đảm đủ nguồn lực ứng phó kịp thời.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và không đưa nội dung quy định chi tiết khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 vào dự thảo Nghị định. Như vậy, dự thảo Nghị định sẽ chỉ quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 250/2025/QH15 như được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg.
	Hiệp hội Thông tin, tư vấn kinh tế thương mại Việt Nam	Dự thảo có nhiều điểm đột phá, đặc biệt là việc cụ thể hóa “Hệ sinh thái FTA” và “Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại”. Điều 12: Nguồn hình thành Quỹ: Trích % thuế PVTM: Đây là quy định nhạy cảm. Theo Luật Ngân sách, thuế là khoản thu phải nộp 100% vào ngân sách. Cần rà soát kỹ tính tương thích với Luật Ngân sách nhà nước. Nếu trích lại, nên dùng cụm từ: “Ngân sách nhà nước bố trí dự toán tương ứng với 10% số thu thuế PVTM” thay vì “trích hằng năm từ nguồn thu thuế” để đúng quy trình điều tiết ngân sách.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và không đưa nội dung quy định chi tiết khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 vào dự thảo Nghị định. Như vậy, dự thảo Nghị định sẽ chỉ quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 250/2025/QH15 như được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg.

	Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam	Về Quỹ hỗ trợ PVTM: Dự thảo Nghị định chưa quy định vị trí của quỹ là ở đâu và do ai quản lý? Có ban quản lý Quỹ riêng hay trực thuộc một cơ quan nhà nước (ví dụ: Bộ Công Thương) mà quản lý Quỹ là kiêm nhiệm? Ngoài ra, chúng tôi thấy rằng Quỹ này (theo Luật Ngân sách Nhà nước) thì sẽ là Quỹ dùng ngân sách nhà nước (từ nguồn thuế) nên việc hình thành và vận hành sẽ được quy định/hướng dẫn theo Luật Ngân sách, tại Dự thảo Nghị định này cũng chưa phân công Bộ nào sẽ tiến hành các thủ tục để thành lập, vận hành Quỹ. Góp ý, đề xuất: Ban soạn thảo rà soát và bổ sung quy định vị trí của Quỹ, đơn vị quản lý và giao/phân công Bộ cụ thể thành lập & điều hành Quỹ theo quy định pháp luật hiện hành.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và không đưa nội dung quy định chi tiết khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 vào dự thảo Nghị định. Như vậy, dự thảo Nghị định sẽ chỉ quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 250/2025/QH15 như được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg.
--	---	---	--

	Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương	- Tại Nghị quyết 79-NQ/TW ngày 6/1/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước có quy định mục tiêu rà soát, sắp xếp, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và các giải pháp, trong đó quy định: “<i>Không hình thành mới quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trừ các trường hợp cấp bách, cấp thiết theo yêu cầu của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng</i>”. - Khoản 23 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 quy định: “<i>23. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, nguồn thu, nhiệm vụ chi của quỹ để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.</i>”. Khoản 10 Điều 8 Luật này quy định: “<i>10. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Trường hợp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.</i>” - Khoản 1 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 quy định: “<i>Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước, theo nguyên tắc không gắn với nhiệm vụ chi cụ thể. Trường hợp có khoản thu cần gắn với nhiệm vụ chi cụ thể theo quy định của pháp luật thì được bố trí tương ứng từ các khoản thu này trong dự toán chi ngân sách để thực hiện. Việc ban hành chính</i>	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và không đưa nội dung quy định chi tiết khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 vào dự thảo Nghị định. Như vậy, dự thảo Nghị định sẽ chỉ quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 250/2025/QH15 như được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg.
--	--	--	--

		<i>sách thu ngân sách phải bảo đảm nguyên tắc cân đối ngân sách trong trung hạn, dài hạn và thực hiện các cam kết về hội nhập quốc tế.”</i> Thuế phòng vệ thương mại là một loại thuế nhập khẩu bổ sung. Theo Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và Luật Ngân sách nhà nước, khoản thu này thuộc 100% ngân sách Trung ương. Do đó, việc hình thành Quỹ tài chính trích từ nguồn thu thuế 10% của nhà nước có thể là không phù hợp với nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước, đề nghị làm rõ cơ sở pháp lý đề xuất thành lập Quỹ này. Bên cạnh đó, đề nghị tham khảo ý kiến của Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp và Bộ Tài chính về nội dung này. Trường hợp tiếp tục quy định thành lập Quỹ, đề nghị làm rõ có chế quản lý Quỹ. Bên cạnh đó, theo Hiệp định về Trợ cấp và các Biện pháp đối kháng của WTO quy định, trợ cấp được coi là tồn tại nếu “...<i>(ii) các khoản thu phải nộp cho chính phủ đã được bỏ qua hay không thu (ví dụ: ưu đãi tài chính như miễn thuế)...</i>”. Do đó, đề nghị đánh giá và xác định việc trích 10% tiền thuế (thu từ ngân sách nhà nước) để trả tiền thuê luật sư, dịch vụ pháp lý....cho một nhóm doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng có được coi là trợ cấp Chính phủ hay không?	
	Quảng Trị	Về quy định tại khoản 4 Điều 12 của Nghị quyết: Đề nghị quy định cụ thể hơn về thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện để tránh chồng chéo, bảo đảm tính thống nhất trong quản lý.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và không đưa nội dung quy định chi tiết khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 vào dự thảo Nghị định. Như vậy, dự thảo Nghị định sẽ chỉ quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 250/2025/QH15 như được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg.

	Nghệ An	Tại Điều 12, nội dung về “Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại”, đề nghị bổ sung cơ chế phối hợp thông tin giữa Bộ Công Thương và Sở Công Thương các tỉnh. Khi Quỹ thực hiện hỗ trợ cho một nhóm doanh nghiệp tại địa phương, Sở cần được thông tin để cùng phối hợp theo dõi, hỗ trợ thu thập dữ liệu ngành hàng tại địa bàn.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và không đưa nội dung quy định chi tiết khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 vào dự thảo Nghị định. Như vậy, dự thảo Nghị định sẽ chỉ quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 250/2025/QH15 như được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg.
	Bộ Tư pháp	Đề nghị Bộ Công Thương cân nhắc kỹ lưỡng, làm rõ các quy định về Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại ở các nội dung sau: (1) Đề nghị giải trình rõ căn cứ pháp lý của việc hình thành Quỹ này và giải trình rõ căn cứ để thực hiện cơ chế sử dụng ngân sách nhà nước để hỗ trợ thông qua Quỹ này. (2) Khoản 1 Điều 12 dự thảo Nghị định quy định: nguồn hình thành Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại bao gồm “<i>khoản trích hằng năm từ nguồn thu thuế phòng vệ thương mại áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam. Mức trích do Bộ Tài chính xác định, cân đối vào cuối năm tài chính, nhưng không vượt quá 10% tổng số thu thuế phòng vệ thương mại thực thu trong năm ngân sách đó</i>”. Khoản 1 Điều 7 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025 quy định: “<i>Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước, theo nguyên tắc không gắn với nhiệm vụ chi cụ thể</i>”. Do đó, quy định về việc trích đóng Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại từ nguồn thu thuế phòng vệ thương mại là chưa phù hợp với Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025 và chưa có căn cứ pháp lý. (3) Dự thảo Nghị định chưa xác định rõ tính chất, mô hình của Quỹ, chưa rõ tính cấp thiết của Quỹ (với	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và không đưa nội dung quy định chi tiết khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 vào dự thảo Nghị định. Như vậy, dự thảo Nghị định sẽ chỉ quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 250/2025/QH15 như được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg.

	những quy định như dự thảo Nghị định thì việc thành lập Quỹ để hỗ trợ không có quá nhiều khác biệt so với việc ngân sách hỗ trợ trực tiếp). (4) Quỹ Hỗ trợ phòng vệ thương mại có khả năng sẽ rơi vào trường hợp trợ cấp có thể bị đối kháng/trợ cấp không bị cấm nhưng có thể bị khiếu kiện ở WTO (actionable subsidies) tại phần III Hiệp định WTO về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (trong trường hợp việc hỗ trợ phòng vệ này gây thiệt hại cho một nước thành viên khác/ngành sản xuất sản phẩm tương tự của 1 nước thành viên khác). Cụ thể, khoản 2 Điều 8 dự thảo Nghị định quy định “<i>Việc áp dụng cơ chế tạo thuận lợi và hỗ trợ không làm phát sinh ưu đãi thuế, trợ cấp xuất khẩu hoặc các hình thức hỗ trợ khác trái với quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên</i>”. Tuy nhiên, phần nguyên tắc hỗ trợ của Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại tại Điều 13 dự thảo Nghị định lại đang thiếu vắng một quy định rào chắn tương tự. Cơ quan chủ trì soạn thảo cần nhắc bổ sung thêm một khoản mang tính nguyên tắc tại Điều 13 dự thảo Nghị định với nội dung việc hỗ trợ từ Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, không cấu thành các khoản trợ cấp bị cấm hoặc trợ cấp có thể bị đối kháng gây tác động nghịch theo quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới. Từ những lý do trên, để đảm bảo cơ sở pháp lý chắc chắn, đề nghị Bộ Công Thương nghiên cứu ý kiến đã nêu tại Mục 1.2.a ở trên hoặc cần nhắc lược bỏ quy định về Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại, thay thế bằng quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ khác của Nhà nước cho đúng tinh thần của khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15.	
--	---	--

Điều 13. Nguyên tắc hỗ trợ 1. Đối tượng được xem xét hỗ trợ từ Quỹ bao gồm hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam là đối tượng bị điều tra trong các vụ việc phòng vệ thương mại do cơ quan điều tra của nước ngoài khởi xướng, khi đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Vụ việc phòng vệ thương mại có ảnh hưởng đáng kể đến ngành hàng hoặc lợi ích xuất khẩu của Việt Nam; trong đó ưu tiên xem xét đối với: - Ngành hàng có vai trò chiến lược trong phát triển kinh tế – xã hội; - Ngành hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn, từ 500 triệu đô la Mỹ (USD) trở lên trong năm liền kề trước năm phát sinh vụ việc; - Ngành hàng có tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm từ 80% tổng số doanh nghiệp tham gia sản xuất, xuất khẩu trở lên; b) Có văn bản đề nghị hỗ trợ của hiệp hội ngành hàng hoặc của nhóm doanh nghiệp liên quan; c) Có phương án tham gia, ứng phó vụ việc kèm theo dự toán kinh phí cụ thể của hiệp hội ngành hàng hoặc của nhóm doanh nghiệp liên quan; d) Có cam kết bằng văn bản về việc phối hợp đầy đủ, kịp thời với cơ quan	Hiệp hội Dệt may Việt Nam	Về tiêu chí ưu tiên hỗ trợ: Dự thảo ưu tiên ngành có kim ngạch xuất khẩu từ 500 triệu USD trở lên. VITAS đề nghị bổ sung tiêu chí ưu tiên cao hơn đối với ngành: - Có kim ngạch xuất khẩu lớn (ví dụ từ 10 tỷ USD trở lên); - Sử dụng số lượng lao động lớn; - Hoặc bị điều tra phòng vệ thương mại nhiều lần trong thời gian gần đây. Việc này nhằm đảm bảo Quỹ tập trung vào các vụ việc có tác động lớn đến kinh tế-xã hội.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và không đưa nội dung quy định chi tiết khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 vào dự thảo Nghị định. Như vậy, dự thảo Nghị định sẽ chỉ quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 250/2025/QH15 như được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg.
	Hiệp hội Rau quả Việt Nam	Bổ sung nhóm đối tượng ưu tiên là: “Các ngành hàng nông sản chủ lực, có liên kết chuỗi giá trị với số lượng lớn hộ nông dân và hợp tác xã”. Do các mặt hàng này thường dễ bị tổn thương bởi các vụ kiện phòng vệ thương mại tại nước ngoài, gây ảnh hưởng trực tiếp đến an sinh xã hội mặc dù kim ngạch của một mặt hàng cụ thể đôi khi chưa đạt ngưỡng 500 triệu USD.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và không đưa nội dung quy định chi tiết khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 vào dự thảo Nghị định. Như vậy, dự thảo Nghị định sẽ chỉ quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 250/2025/QH15 như được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg.
	Hiệp hội Thông tin, tư vấn kinh tế thương mại Việt Nam	Điều 13. Đối tượng và Điều kiện hỗ trợ: Tiêu chí kim ngạch 500 triệu USD: Mức này là khá cao, có thể bỏ sót các ngành hàng mới nổi hoặc các sản phẩm nông sản, đặc sản có kim ngạch thấp hơn nhưng đóng góp lớn vào an sinh xã hội. Nên bổ sung tiêu chí về “mức độ thiệt hại” hoặc “tính chất trọng yếu của ngành hàng” để hỗ trợ cho từng vụ kiện.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và không đưa nội dung quy định chi tiết khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 vào dự thảo Nghị định. Như vậy, dự thảo Nghị định sẽ chỉ quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 250/2025/QH15 như được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg.
	Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam	Bổ tiêu chí “Ngành hàng có tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm từ 80% tổng số doanh nghiệp tham gia sản xuất, xuất khẩu trở lên” ở Điều 13 của Dự thảo: Thứ nhất, khi các ngành hàng nào đó của Việt Nam mạnh hơn lên, xuất khẩu được nhiều hơn vào 1 thị	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và không đưa nội dung quy định chi tiết khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 vào dự thảo Nghị định. Như vậy, dự thảo Nghị định sẽ

nhà nước có thẩm quyền trong suốt quá trình xử lý vụ việc. 2. Việc hỗ trợ từ Quỹ được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây: a) Bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế và lợi ích quốc gia; b) Công khai, minh bạch, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và tuân thủ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; c) Ưu tiên các vụ việc có tác động lớn đến ngành hàng, hoạt động xuất khẩu, việc làm và an ninh kinh tế quốc gia.		trường nào đó thì lúc đó mới là “điều kiện” đầu tiên để phía nước ngoài “để mắt” tới, tức ngành hàng và cộng đồng doanh nghiệp đó đang lớn mạnh hơn và cần được bảo vệ, cần được hỗ trợ. Thứ hai, đây là những biện pháp kiện/cáo buộc từ nước ngoài, họ có tiềm lực, họ thậm chí rất lớn – họ đang cáo buộc/hạn chế bằng các công cụ từ pháp lý đến hành chính đối với cả ngành hàng của chúng ta chứ không phải chỉ riêng cho một nhóm DN cụ thể nào mà chúng ta lại ràng buộc bằng tỷ lệ DN nhỏ&vừa trong ngành để được ưu tiên hỗ trợ hay không. Thứ ba, câu hỏi là tại sao phải quy định tỷ lệ trên mới được ưu tiên hỗ trợ? Chưa kể để xác định chính xác tỷ lệ DN SMEs chiếm bao nhiêu % tổng số DN tham gia SX, XK không phải là chuyện dễ. Góp ý, đề xuất: Bỏ tiêu chí trên khỏi mục a) khoản 1) Điều 13 (nguyên tắc hỗ trợ) của Dự thảo.	chỉ quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 250/2025/QH15 như được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg.
	Vụ Phát triển thị trường nước ngoài - Bộ Công Thương	Tại điểm a khoản 1 Điều 13, đề nghị xem xét bổ sung tiêu chí ưu tiên đối với: (i) Vụ việc có nguy cơ tạo tiền lệ pháp lý bất lợi cho Việt Nam, có khả năng ảnh hưởng dây chuyền sang các thị trường khác; (ii) Vụ việc liên quan đến cáo buộc nền kinh tế phi thị trường.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và không đưa nội dung quy định chi tiết khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 vào dự thảo Nghị định. Như vậy, dự thảo Nghị định sẽ chỉ quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 250/2025/QH15 như được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg.
	Khánh Hòa	Điểm a khoản 1 Điều 13: Đề nghị bổ cục nội dung thuộc các khoản đảm bảo có sự thống nhất.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và không đưa nội dung quy định chi tiết khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 vào dự thảo Nghị định. Như vậy, dự thảo Nghị định sẽ chỉ quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số

			250/2025/QH15 như được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg.
Điều 14. Nội dung hỗ trợ 1. Quỹ thực hiện hỗ trợ thường xuyên hằng năm đối với hiệp hội ngành hàng theo kế hoạch được phê duyệt, bao gồm kinh phí thuê luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý hoặc đơn vị tư vấn nhằm thực hiện các hoạt động sau đây: a) Tham gia rà soát biện pháp phòng vệ thương mại do nước ngoài áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam; b) Đánh giá tác động, phân tích xu hướng và xây dựng phương án ứng phó; c) Thực hiện công tác cảnh báo sớm nguy cơ khởi xướng điều tra phòng vệ thương mại; d) Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu ngành hàng; thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin thị trường phục vụ hoạt động phòng vệ thương mại; đ) Các hoạt động chuyên môn khác phục vụ công tác phòng vệ thương mại theo quy định của pháp luật. 2. Quỹ thực hiện hỗ trợ đối với từng vụ việc phòng vệ thương mại cụ thể do cơ quan điều tra của nước ngoài	Hiệp hội Dệt may Việt Nam	Về phạm vi nội dung hỗ trợ: VITAS đề nghị làm rõ Quỹ được hỗ trợ các nội dung sau: - Chi phí thuê luật sư quốc tế và chuyên gia phân tích biên độ phá giá; - Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành, phục vụ chuẩn hóa số liệu và đào tạo doanh nghiệp về quy trình trả lời bản câu hỏi và tham gia thẩm tra tại chỗ. Đây là các nhu cầu thực tế phát sinh trong các vụ việc phòng vệ thương mại của ngành dệt may..	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và không đưa nội dung quy định chi tiết khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 vào dự thảo Nghị định. Như vậy, dự thảo Nghị định sẽ chỉ quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 250/2025/QH15 như được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg.
	Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam	Bổ sung nội dung hỗ trợ về phòng vệ thương mại: Đứng trên góc độ phòng vệ thương mại là vấn đề hết sức đặc thù. Khi có vụ việc cáo buộc/kiện tụng từ nước ngoài, chúng ta sẽ tham gia “chống kiện”, từng vụ việc. Tương tự như khi bị bệnh thì ta dùng thuốc. Nhưng tại sao chúng ta không có các chương trình và biện pháp để chúng ta tránh được bệnh đó, hoặc chống lại được và không bị nhiễm? Chúng tôi cũng chưa thấy thiết kế tại Điều 14 (các nội dung hỗ trợ) có các chương trình nào để hỗ trợ các ngành hàng hoặc các hiệp hội (tất nhiên có tiêu chí) phát triển và xây dựng ngành hàng mạnh mẽ hơn, bền vững hơn và có sự chuẩn bị tốt hơn với các biện pháp phòng vệ thương mại tiềm tàng từ nước ngoài. Góp ý, đề xuất: Bên cạnh các nội dung hỗ trợ đã có, Ban soạn thảo xem xét bổ sung nội dung hỗ trợ hàng năm cho các ngành hàng xuất khẩu thông qua Hiệp hội chủ đạo của ngành hàng đó các chương trình nâng cao năng lực PVTM chuyên sâu cho đội ngũ nhân lực (kể toán, sản xuất, pháp lý) các DN của ngành hàng.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và không đưa nội dung quy định chi tiết khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 vào dự thảo Nghị định. Như vậy, dự thảo Nghị định sẽ chỉ quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 250/2025/QH15 như được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg.

khởi xướng, bao gồm kinh phí thuê luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý hoặc đơn vị tư vấn để tham gia xử lý vụ việc trong toàn bộ các giai đoạn của quá trình điều tra đến khi áp dụng biện pháp cuối cùng, bao gồm nhưng không giới hạn ở các hoạt động: a) Trả lời bản câu hỏi điều tra; b) Tham gia thẩm tra, xác minh tại chỗ; c) Tham vấn, điều trần; d) Nộp bình luận, ý kiến và các tài liệu, thông tin theo yêu cầu của cơ quan điều tra nước ngoài; đ) Các hoạt động nghiệp vụ khác có liên quan đến việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, ngành hàng Việt Nam. Việc hỗ trợ quy định tại khoản này được thực hiện trên cơ sở đề nghị của hiệp hội ngành hàng hoặc nhóm doanh nghiệp liên quan sau khi được cơ quan có thẩm quyền quản lý Quỹ chấp thuận.	Vụ Phát triển thị trường nước ngoài - Bộ Công Thương	- Tại khoản 2 Điều 14, đề nghị xem xét bổ sung: “Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia kinh tế, chuyên gia ngành hàng để xây dựng lập luận biện hộ”.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và không đưa nội dung quy định chi tiết khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 vào dự thảo Nghị định. Như vậy, dự thảo Nghị định sẽ chỉ quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 250/2025/QH15 như được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg.
Điều 15. Định mức sử dụng và thanh quyết toán kinh phí hoạt động hỗ trợ phòng vệ thương mại sử dụng nguồn kinh phí từ Quỹ		Không có ý kiến	
Điều 16. Mục đích thành lập của Quỹ Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng do các Hiệp hội ngành hàng thành lập,	Vụ Chính sách thương mại Đa biên	Đề nghị xem xét điều chỉnh phạm vi thúc đẩy “hỗ trợ phòng vệ thương mại”, tránh trùng lặp với Quỹ Hỗ trợ phòng vệ thương mại.	Nội dung hỗ trợ phòng vệ thương mại được quy định tại Điều 13 Nghị quyết 250, do vậy, đề xuất giữ nguyên nội dung dự thảo.

hoạt động nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo; xây dựng thương hiệu; hỗ trợ phòng vệ thương mại và đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường của đối tác nước ngoài.	- Bộ Công Thương		
	Bộ Nội vụ	Tại Chương IV dự thảo Nghị định, để tạo điều kiện thuận lợi cho Quỹ xúc tiến xuất khẩu ngành hàng hoạt động, đề nghị làm rõ cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập và cơ quan quản lý nhà nước đối với Quỹ, quy định rõ điều kiện, quy trình thành lập Quỹ, thẩm quyền phê duyệt điều lệ Quỹ thực hiện theo quy định pháp luật nào.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Nội vụ về việc bổ sung cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập quỹ, quy trình thành lập quỹ...và sửa trực tiếp trong Dự thảo
	Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương	Chương IV: Tên chương, đề nghị xem xét quy định tên theo nội dung của Chương. - Tại Nghị quyết 79-NQ/TW ngày 6/1/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước có quy định mục tiêu rà soát, sắp xếp, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và các giải pháp, trong đó quy định: <i>“Không hình thành mới quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trừ các trường hợp cấp bách, cấp thiết theo yêu cầu của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng”</i> - Khoản 23 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 quy định: <i>“23. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, nguồn thu, nhiệm vụ chi của quỹ để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.”</i> Khoản 10 Điều 8 Luật này quy định: <i>“10. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Trường hợp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có khả năng tài</i>	Quỹ Xúc tiến xuất khẩu do các hiệp hội ngành hàng thành lập, không thuộc đối tượng quy định tại Nghị quyết 79-NQ/TW

		<i>chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.”</i> - Khoản 1 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 quy định: “Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước, theo nguyên tắc không gắn với nhiệm vụ chi cụ thể. Trường hợp có khoản thu cần gắn với nhiệm vụ chi cụ thể theo quy định của pháp luật thì được bố trí tương ứng từ các khoản thu này trong dự toán chi ngân sách để thực hiện. Việc ban hành chính sách thu ngân sách phải bảo đảm nguyên tắc cân đối ngân sách trong trung hạn, dài hạn và thực hiện các cam kết về hội nhập quốc tế.” Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng đã được quy định tại Nghị quyết số 250/2025/QH15 và giao Chính phủ quy định chi tiết, tuy nhiên đề nghị tiếp tục rà soát để tuân thủ các quy định tại Nghị quyết 79-NQ/TW ngày 6/1/2026 của Bộ Chính trị và Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 như nêu trên.	
	Đắc Lắc	Tại Điều 16 - Chương IV Quy định chi tiết Điều 13, đề nghị bổ sung: Điều 16. Mục đích thành lập của Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng do các Hiệp hội ngành hàng có tỷ trọng xuất khẩu cao thành lập, hoạt động nhằm thúc đẩy nghiên cứu...	Trên thực tế, việc xác định hiệp hội ngành hàng có tỷ trọng xuất khẩu cao là không chuẩn xác vì hiệp hội là tổ chức trong đó có thể bao gồm các hội việc thuộc nhiều nhiều ngành hàng khác nhau. Do vậy, Bộ Công Thương đề xuất giữ nguyên như dự thảo
	Hiệp hội Dệt May Việt Nam	Đề nghị bổ sung rõ Quỹ được sử dụng để: - Hỗ trợ xây dựng trung tâm thiết kế, phát triển mẫu, thương hiệu; - Nâng cao năng lực đáp ứng tiêu chuẩn môi trường và xã hội.	Đây là các hoạt động cụ thể của xây dựng phát triển thương hiệu, tùy theo lĩnh vực hoạt động, Hiệp hội được chủ động quy định nội dung chi của Quỹ theo quy chế hoạt động. Việc liệt

		Việc làm rõ phạm vi sử dụng sẽ giúp Quỹ hoạt động minh bạch, đúng mục tiêu và tránh chồng chéo với các chương trình khác.	kê phạm vi sử dụng của quỹ sẽ không đầy đủ và làm hạn chế nội dung hoạt động của quỹ. Do vậy, Bộ Công Thương đề xuất giữ nguyên như dự thảo
	Bộ Tư pháp	Hệ thống pháp luật hiện nay đang tồn tại 03 mô hình Quỹ: (1) Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025); (2) Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện (Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024)); (3) Quỹ của tổ chức hội (Quỹ nội bộ của Hiệp hội) hoạt động theo Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. Điều 13 Nghị quyết 250/2025/QH15 quy định: “<i>Nhà nước khuyến khích các hiệp hội ngành hàng có tỷ trọng xuất khẩu cao được thành lập Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo; xây dựng thương hiệu; hỗ trợ phòng vệ thương mại và đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường của đối tác nước ngoài</i>”. Như vậy, Quỹ này hoạt động với mục tiêu phát triển kinh tế, thương mại; không phải mục tiêu từ thiện hoặc xã hội; Quỹ không sử dụng ngân sách nhà nước (Điều 20 dự thảo Nghị định). Do đó, về bản chất pháp lý, Quỹ này gần với Quỹ nội bộ của Hiệp hội (Quỹ hoạt động của hiệp hội ngành hàng nhằm phục vụ hoạt động xúc tiến xuất khẩu). Vì vậy, đề nghị cân nhắc hoàn thiện dự thảo Nghị định để không dẫn đến cách hiểu, thực hiện theo hướng nhà nước can thiệp quá sâu vào các Quỹ nội bộ của Hiệp hội (chẳng hạn: quy định các hội viên trong Hiệp hội ngành hàng phải đóng góp để hình thành Quỹ (khoản 1 Điều 20 dự thảo Nghị định);	- Về nguồn hình thành Quỹ, Điều 20 Dự thảo quy định mức đóng góp do Hiệp hội quyết định mà không có sự can thiệp của nhà nước. Về điều kiện thành lập Quỹ, tiếp thu và sửa Dự thảo Nghị định.

		đặt ra điều kiện “<i>có kim ngạch xuất khẩu trung bình trong 03 năm liên tiếp gần nhất đạt tối thiểu từ 01 tỷ USD/năm</i>” để thành lập Quỹ còn thể hiện sự can thiệp sâu của Nhà nước). Ngoài ra, Điều 13 Nghị quyết 250/2025/QH15 quy định về việc khuyến khích các hiệp hội ngành, hàng có tỷ trọng xuất khẩu cao được thành lập Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng..., không giao Chính phủ quy định về hoạt động của Quỹ như: mục đích thành lập Quỹ (Điều 16); nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Quỹ (Điều 17); thành lập Quỹ (Điều 19); nguồn hình thành Quỹ (Điều 20)... Vì vậy, đề nghị xem xét, cân nhắc việc quy định các nội dung nêu trên tại Chương IV dự thảo Nghị định.	- Tiếp thu và sửa Dự thảo Nghị định theo hướng bỏ Điều 16, Điều 17 (nội dung của Điều 17 đã có các quy định của pháp luật về quản lý hội điều chỉnh). Đối với nội dung thành lập Quỹ (Điều 19) và nguồn hình thành Quỹ (Điều 20), đây là nội dung để quy định việc thành lập và hoạt động của Quỹ, đảm bảo tương thích với quy định về việc thành lập các tổ chức thuộc hội.
Điều 17. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Quỹ 1. Thành lập và hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận. 2. Tự nguyện, tự chủ, tự trang trải và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật bằng tài sản của Quỹ. 3. Tổ chức, hoạt động theo quy định của pháp luật, của Hiệp hội ngành hàng thành lập Quỹ và Điều lệ của Quỹ. 4. Công khai, minh bạch về tổ chức, hoạt động và thu, chi tài chính, tài sản của Quỹ.	Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương	Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung trách nhiệm của các Bộ quản lý chuyên ngành với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trong công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý và thực hiện Quỹ Xúc tiến xuất khẩu của các Hiệp hội.	Tiếp thu và đề xuất bổ sung vào dự thảo Nghị định

Điều 18. Chính sách của nhà nước đối với Quỹ 1. Nhà nước khuyến khích các Hiệp hội ngành hàng thành lập Quỹ, tạo điều kiện để Quỹ tổ chức, hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ của Quỹ. 2. Việc đóng góp tài sản của cá nhân, tổ chức vào Quỹ được áp dụng các chính sách ưu đãi của nhà nước theo quy định của pháp luật.	Vụ Chính sách thương mại Đa biên - Bộ Công Thương	Tại khoản 2 Điều 18, đề nghị làm rõ các chính sách ưu đãi của nhà nước theo quy định của pháp luật là bao gồm những chính sách nào	Tiếp thu và đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18 như sau: 2. Việc đóng góp tài sản của cá nhân, tổ chức vào Quỹ được áp dụng các chính sách của nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế. .
	Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương	Khoản 2 Điều 18, đề nghị làm rõ các chính sách ưu đãi của nhà nước theo quy định là những chính sách nào theo quy định pháp luật cụ thể nào.	Tiếp thu và đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18 như sau: 2. Việc đóng góp tài sản của cá nhân, tổ chức vào Quỹ được áp dụng các chính sách của nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế.
Điều 19. Thành lập Quỹ 1. Các Hiệp hội ngành hàng có kim ngạch xuất khẩu trung bình trong 03 năm liên tiếp gần nhất đạt tối thiểu từ 01 tỷ USD/năm được phép thành lập Quỹ Xúc tiến xuất khẩu cho ngành hàng của mình. 2. Quỹ Xúc tiến xuất khẩu có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hoặc các Ngân hàng Thương mại.	Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương	Khoản 1 Điều 19, đề nghị làm rõ việc xác định xác định kim ngạch xuất khẩu là theo số liệu của cơ quan hải quan khi thành lập Quỹ hay số liệu doanh nghiệp, hiệp hội tự xác định.	Tiếp thu, sửa đổi không quy định kim ngạch xuất khẩu trung bình tại khoản 1 Điều 19. Các Hiệp hội ngành hàng được quyền lập quỹ Xúc tiến xuất khẩu theo tinh thần tự nguyện và được thực hiện theo điều lệ thành lập Quỹ
	Bắc Ninh	Dự thảo Nghị định quy định điều kiện thành lập Quỹ xúc tiến xuất khẩu ngành hàng là Hiệp hội ngành hàng có kim ngạch xuất khẩu trung bình từ 01 tỷ USD/năm trong 03 năm liên tiếp; điều kiện này có thể phù hợp với một số ngành hàng có quy mô xuất khẩu lớn, giá trị hàng hoá cao, tuy nhiên đối với một số ngành hàng giá trị thấp như nông sản và các ngành hàng tiềm năng thì mức kim ngạch này tương đối cao. Do đó, đề nghị cơ	Tiếp thu, sửa đổi không quy định kim ngạch xuất khẩu trung bình tại khoản 1 Điều 19. Các Hiệp hội ngành hàng được quyền lập quỹ Xúc tiến xuất khẩu theo tinh thần tự nguyện và được thực hiện theo điều lệ thành lập Quỹ

		quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh theo hướng linh hoạt hơn nhằm tạo điều kiện cho các hiệp hội ngành hàng nông sản, ngành hàng có tiềm năng xuất khẩu được thành lập quỹ và chủ động hơn trong việc triển khai các hoạt động xúc tiến xuất khẩu.	
	Hiệp hội Dệt May Việt Nam	Ngưỡng kim ngạch xuất khẩu tối thiểu 1 tỷ USD/năm trong 03 năm liên tiếp có thể là hơi dàn trải. Giai đoạn đầu nên coi là giai đoạn thí điểm đối với các ngành hàng kim ngạch xuất khẩu tối thiểu 2 tỷ USD trong 3 năm liên tiếp. Sau đó rút kinh nghiệm mở rộng hoặc thu hẹp, khi đã qua thực tế triển khai. Tuy nhiên, VITAS kiến nghị cần quy định rõ khoản đóng góp của doanh nghiệp vào Quỹ được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế. Ngoài ra, cần có quy định cơ chế quản lý, sử dụng quỹ đảm bảo minh bạch, hiệu quả.	Nội dung này đã tiếp thu và sửa theo hướng bỏ ngưỡng kim ngạch xuất khẩu để được thành lập quỹ
	Hiệp hội Cao su Việt Nam	Mức xuất khẩu tối thiểu 1 tỷ USD/năm tương đối cao, đồng thời, Hiệp hội chỉ là tổ chức xã hội – nghề nghiệp nên không có kim ngạch xuất khẩu mà chỉ là các doanh nghiệp thành viên của Hiệp hội mới có kim ngạch xuất khẩu ngành hàng.	Nội dung này đã tiếp thu và sửa theo hướng bỏ ngưỡng kim ngạch xuất khẩu để được thành lập quỹ
	Hiệp hội Rau quả Việt Nam	Đề xuất giảm mức kim ngạch xuống còn 500 triệu USD/năm hoặc bổ sung cơ chế cho phép liên minh từ 02 Hiệp hội ngành hàng trở lên được cùng thành lập một Quỹ chung nếu tổng kim ngạch đạt điều kiện. Lý do: Để các ngành hàng có tiềm năng xuất khẩu lớn nhưng đang trong giai đoạn phát triển (như trái cây đặc sản, dược liệu) có cơ hội huy động nguồn lực xây dựng thương hiệu quốc tế và đáp ứng tiêu chuẩn xanh.	Nội dung này đã tiếp thu và sửa theo hướng bỏ ngưỡng kim ngạch xuất khẩu để được thành lập quỹ
	Hiệp hội Thông tin, tư vấn kinh tế thương	Điều kiện thành lập “kim ngạch 1 tỷ USD/năm” sẽ khiến chỉ có các Hiệp hội lớn (Dệt may, Da giày, Gỗ, Thủy sản) mới thành lập được Quỹ. Nên giảm mức này	Nội dung này đã tiếp thu và sửa theo hướng bỏ ngưỡng kim ngạch xuất khẩu để được thành lập quỹ

	mại Việt Nam	xuống hoặc cho phép các Hiệp hội nhỏ hơn liên kết thành lập “Quỹ liên ngành” để tăng sức mạnh tài chính.	
	Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam	Trong thực tiễn, có những ngành hàng xuất khẩu có thể có 2-3 Hiệp hội cùng tồn tại song song, mà trong đó 1 số DN hội viên có thể đăng ký làm hội viên của cả 2-3 Hiệp hội này. Khi đó, các quy định khung tại Điều 19 cần rõ và chi tiết nhằm hướng đến việc khả thi trong thực tiễn và không xảy vướng mắc nếu để xảy ra có 2-3 Hiệp hội trong cùng 1 ngành hàng đều đăng ký để thành lập Quỹ này. Góp ý, đề xuất: Đề bám sát nội dung quyết nghị tại Điều 13 của Nghị quyết 250/2025/QH15, chúng tôi đề xuất đưa chi tiết điều kiện thành lập Quỹ vào trong Điều 19 của Dự thảo như sau: - Mỗi ngành hàng xuất khẩu chỉ có 01 Quỹ xúc tiến xuất khẩu; - Ngành hàng được thành lập: Có kim ngạch xuất khẩu trung bình trong 03 năm liên tiếp gần nhất đạt tối thiểu từ 02 tỷ USD/năm trở lên; - Hiệp hội ngành hàng được thành lập: + Hội viên của Hiệp hội có giá trị kim ngạch xuất khẩu trên 50% kim ngạch toàn ngành trong 1 năm; + Có kinh nghiệm thực tế trong đấu tranh phòng vệ thương mại, xúc tiến thương mại quốc tế, xử lý các rào cản kỹ thuật; + Có bộ máy tài chính, kế toán chuyên trách, đáp ứng yêu cầu quản trị và kiểm toán độc lập.	Điều 13 Nghị Quyết 250 là một trong những chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế. Do vậy việc đưa ra các quy định như ý kiến của Hiệp hội sẽ làm bó buộc khả năng thành lập quỹ của các Hiệp hội. Trong bối cảnh này, chúng ta không đưa ra các quy định để quản lý các Quỹ này mà cần có những chính sách, khuyến khích các Hiệp hội đề xuất thành lập Quỹ xúc tiến xuất khẩu để phục vụ cho các hoạt động chung của ngành hàng nhằm đẩy mạnh xuất khẩu.
Điều 20. Nguồn hình thành Quỹ 1. Nguồn đóng góp của các hội viên trong Hiệp hội ngành hàng. Mức và thời hạn đóng góp cụ thể do Hiệp hội ngành hàng thống nhất quy định.	Vụ Chính sách thương mại Đa biên - Bộ Công Thương	Đề nghị lưu ý việc đóng góp của các tổ chức vào Quỹ Xúc tiến xuất khẩu cần tránh khả năng vi phạm quy định về trợ cấp bị cấm theo quy định của Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (Hiệp định SCM). Bởi vì, định nghĩa trợ cấp tại Điều 1.1 Hiệp định SCM bao gồm đóng góp tài chính của Nhà nước hoặc <i>các tổ chức</i>	Trong quá trình xây dựng dự thảo nghị định, sẽ chủ động rà soát để đưa vào các điều khoản không có khả năng vi phạm các cam kết Hiệp định SCM

2. Tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. 3. Các nguồn thu hợp pháp khác.		<i>công của Nhà nước</i>, và Điều 3.1 Hiệp định SCM quy định trợ cấp bị cấm là quy định khối lượng trợ cấp, theo luật hay trong thực tế, dù là một điều kiện riêng biệt hay kèm theo những điều kiện khác, căn cứ vào kết quả thực hiện xuất khẩu.	
	Đắc Lắc	Đề nghị bổ sung vào khoản 1: Nguồn đóng góp của các hội viên trong Hiệp hội ngành hàng. Mức, quy định về hoạt động thu chi và thời hạn đóng góp cụ thể do Hiệp hội ngành hàng thống nhất quy định.	Nội dung này chỉ quy định về nguồn hình thành Quỹ, các nội dung như hoạt động thu chi của quỹ không quy định tại Điều này.
	Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam	Đây là nội dung mang tính quyết định đến sự tồn tại của Quỹ. Nếu thiết kế cơ chế là “đóng góp tự nguyện” là sẽ không có nguồn thu. Kinh nghiệm thế giới, như tại Na Uy, họ có Quỹ tương tự như này để giải quyết rất nhiều việc lớn cho ngành hàng cá Hồi Na Uy. Nguồn thu là bắt buộc theo cơ chế trích theo tỷ lệ % từ sản lượng xuất khẩu cá hồi, cơ quan Hải quan thực hiện thu hộ khi các DN xuất khẩu. Mô hình tương tự là Hội đồng Ghẹ của Hoa kỳ (Swimming Crab Council): trích tỷ lệ % trên sản lượng ghẹ nhập khẩu vào Mỹ để có nguồn thu quỹ, dùng cho việc hỗ trợ bảo vệ nguồn lợi và phát triển nguồn nguyên liệu ghẹ bền vững ở nhiều khu vực biển trên thế giới. Cách thức tương tự đang áp dụng hiện nay tại Việt Nam là cho 2 ngành cà-phê và ngành Tiêu. 02 Hiệp hội (cà phê và Tiêu) được quản lý và sử dụng Quỹ theo Điều lệ và Quy chế quản lý do Bộ Tài chính quy định. Nguồn thu cho Quỹ là trích bắt buộc theo tỷ lệ % sản lượng cà phê và hạt tiêu xuất khẩu, do Hải quan trích thu hộ. Kiến nghị/ Đề xuất: Hiệp hội đề xuất Nghị định cần quy định rõ đây là khoản đóng góp bắt buộc đối với tất cả các doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng thuộc ngành hàng của Quỹ.	Việc thành lập Quỹ là trên tinh thần thống nhất, tự nguyện của Hiệp hội để đề xuất với cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập. Khoản đóng góp của các hội viên vào quỹ cũng trên tinh thần tự nguyện và đây không phải là khoản tiền thuế, phí, lệ phí mà doanh nghiệp phải có nghĩa vụ phải đóng nên cơ quan chức năng cũng không thu được.

		Thực tiễn cho thấy khi cơ chế chuyển sang tự nguyện, Hiệp hội không có bất cứ công cụ pháp lý nào để yêu cầu doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ, dẫn tới Quỹ không có nguồn thu và không thể hoạt động được như thiết kế mục tiêu ban đầu. VASEP thấy rằng mô hình Quỹ chỉ có thể vận hành hiệu quả nếu bảo đảm nguyên tắc: “Thu bắt buộc – Hiệp hội quản lý – Nhà nước giám sát”. Nếu thiếu một trong ba yếu tố này, Quỹ sẽ không thể hoạt động trong thực tế hoặc tiềm ẩn rủi ro. HH VASEP trân trọng đề nghị Ban soạn thảo xem xét để điều chỉnh nội dung Dự thảo tại Điều 20 như sau: - Cơ quan Hải quan thực hiện thu hộ đối với tất cả sản lượng xuất khẩu của ngành hàng theo tỷ lệ % quy định trong Điều lệ và Quy chế của Quỹ do Bộ Tài chính phê duyệt; - Thu phí ngay tại thời điểm doanh nghiệp mở tờ khai hải quan xuất khẩu, dựa trên mã HS của ngành hàng; - Bổ sung cơ chế ưu đãi thuế đối với khoản đóng góp vào Quỹ để doanh nghiệp yên tâm thực hiện nghĩa vụ. - Quy định kiểm toán độc lập và công khai minh bạch báo cáo tài chính Quỹ hàng năm.	
	Quảng Trị	Về quy định tại Điều 13 của Nghị quyết: Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành trung ương và địa phương nhằm nâng cao hiệu quả triển khai các chính sách, chương trình liên quan đến hội nhập quốc tế.	Tiếp thu và bổ sung vào dự thảo
Điều 21. Hiệu lực thi hành Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngàytháng năm 2026		Không có ý kiến	
Điều 22. Trách nhiệm thi hành 1. Bộ Công Thương là cơ quan chủ trì tổ chức, điều phối việc triển khai các cơ chế bảo đảm và phân bổ nguồn lực	Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương	Đề nghị xem xét quy định rõ cơ chế phối hợp chia sẻ dữ liệu giữa Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và Bộ Ngoại giao để vận hành nền tảng số và hệ thống thông tin phục vụ doanh nghiệp.	Tiếp thu để thực hiện trong quá trình xây dựng Hệ sinh thái FTA phục vụ cộng đồng doanh nghiệp.

phục vụ Hệ sinh thái FTA theo quy định tại Nghị định này. 2. Bộ Công Thương có trách nhiệm: a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các tiêu chí, quy trình và hướng dẫn liên quan đến phân loại chủ thể tham gia Hệ sinh thái FTA, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của Nghị định này; b) Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí cho Hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các FTA và tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Công Thương, trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật; c) Điều phối việc huy động, lồng ghép và sử dụng các nguồn lực quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Nghị định này, bảo đảm hiệu quả và tránh trùng lặp. d) Căn cứ các nguyên tắc hỗ trợ quy định tại Điều 13 của Nghị định này, xem xét, quyết định việc chấp thuận hiệp hội ngành hàng đủ điều kiện được hỗ trợ từ Quỹ 4. Bộ Công Thương chủ trì tổ chức đánh giá định kỳ hằng năm, tổng hợp	Khánh Hòa	Đề nghị điều chỉnh các nội dung tại khoản 1, 2, 4 thành Khoản 1, quy định trách nhiệm của Bộ Công Thương. Đồng thời đánh số thứ tự các khoản đảm bảo phù hợp.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa vào dự thảo Nghị định.
	Lào Cai	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định đầy đủ trách nhiệm thi hành của các cơ quan tại Điều 22 của dự thảo Nghị định (thiếu quy định đối với Bộ Ngoại giao).	Tiếp thu và đã quy định đầy đủ trách nhiệm thi hành của các cơ quan tại Dự thảo Nghị định
	Bắc Ninh	Điều 22 - Tổ chức thực hiện Dự thảo quy định Bộ Công Thương là cơ quan chủ trì tổ chức, điều phối việc triển khai các cơ chế bảo đảm và phân bổ nguồn lực phục vụ Hệ sinh thái FTA, đồng thời chủ trì đánh giá định kỳ và báo cáo Chính phủ về tình hình thực hiện Nghị định. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu làm rõ hơn cơ chế phối hợp giữa Bộ Công Thương với các bộ, ngành và địa phương trong quá trình triển khai và bổ sung quy định cụ thể về trách nhiệm, quyền hạn của UBND cấp tỉnh trong việc triển khai Nghị định, vì địa phương là nơi trực tiếp nắm bắt nhu cầu doanh nghiệp, tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách, rà soát, đề xuất đối tượng hỗ trợ và theo dõi kết quả thực hiện trên địa bàn.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa vào dự thảo Nghị định.
	Hiệp hội Cao su Việt Nam	- Điều 22 không có Khoản 3 - Cần bổ sung nội dung nguồn hình thành, nội dung hỗ trợ và vận hành, quản lý Quỹ xúc tiến xuất khẩu ngành hàng (như quy chế hoạt động, quy chế quản lý tài chính Quỹ...) và nội dung này nên thêm ở Chương V, Điều 22 Phân trách nhiệm của Bộ Tài chính. - Nội dung thành lập, tổ chức thực hiện và cơ quan hướng dẫn thực hiện đối với Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại, Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng chưa được nêu cụ thể.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa, bổ sung tại Dự thảo Nghị định

và báo cáo Chính phủ về tình hình thực hiện Nghị định này. 5. Bộ Tài chính có trách nhiệm a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ bố trí kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách Nhà nước, đồng thời hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán các chi phí hỗ trợ Hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các FTA theo quy định của pháp luật, đảm bảo các nguồn lực vận hành Hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các FTA trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Công Thương.	Quảng Ninh	- Đề nghị rà soát lại nội dung dẫn chiếu tại điểm c Điều 22. Nội dung quy định về việc “huy động, lồng ghép và sử dụng các nguồn lực” hiện đang dẫn chiếu đến các Điều 5, 6, 7 và 8 của dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, các quy định cụ thể về nguồn lực và cơ chế tài chính của Hệ sinh thái tận dụng các FTA chủ yếu được quy định tại các Điều 9, 10 và 11. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu rà soát, điều chỉnh nội dung dẫn chiếu cho phù hợp với nội dung các điều khoản của dự thảo Nghị định. - Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về trách nhiệm của UBND cấp tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh trong việc phối hợp triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do và tham gia Hệ sinh thái FTA.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa vào dự thảo Nghị định.
--	--------------------------	---	--

b) Căn cứ tổng số thu thuế phòng vệ thương mại thực thu trong năm ngân sách, xác định và cân đối mức trích lập Quỹ Hỗ trợ Phòng vệ thương mại vào cuối năm tài chính, bảo đảm không vượt quá 10% tổng số thực thu trong năm. c) Chủ trì ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về định mức chi và cơ chế quản lý, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ từ Quỹ Quỹ Hỗ trợ Phòng vệ thương mại. d) Kiểm tra, giám sát việc trích lập, quản lý và sử dụng kinh phí của Quỹ Quỹ Hỗ trợ Phòng vệ thương mại, bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và công khai, minh bạch. 6. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm... 7. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.	Cà Mau	Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về trách nhiệm của UBND cấp tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh trong việc phối hợp triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do và tham gia Hệ sinh thái FTA.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa vào dự thảo Nghị định.
Các ý kiến khác	Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương	<i>Đối với dự thảo Tờ trình:</i> Mục 1.VI về dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản đang thể hiện: “Các nội dung quy định tại dự thảo Nghị định hoàn toàn đảm bảo điều kiện về nguồn nhân lực, tài chính để thi hành văn bản”. Do đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ tài chính quy định tại dự thảo	Tiếp thu và bổ sung tại Dự thảo Tờ trình

		Nghị định có phạm vi rộng (doanh nghiệp, Hiệp hội, hợp tác xã, hộ kinh doanh), đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, có đánh giá và dự báo bổ sung về nguồn tài chính dự kiến cần thiết để thực hiện được chính sách này trên cơ sở cân đối nguồn lực huy động từ xã hội và xem xét khả năng đáp ứng từ ngân sách nhà nước.	
	Gia Lai	Rà soát, thống nhất cách trình bày các cụm từ như “Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” hoặc “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” trong toàn bộ dự thảo.	Tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo Nghị định
	Bộ Tư pháp	Đề nghị rà soát về kỹ thuật soạn thảo văn bản và thể hiện lại quy định tại điểm a khoản 11 Điều 7 và điểm a khoản 1 Điều 13 dự thảo Nghị định cho phù hợp.	Tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo Nghị định
		Dự thảo Nghị định có nhiều nội dung chưa rõ quy định (chờ bộ, ngành cung cấp thông tin) như Điều 15, khoản 6 Điều 22 Đề nghị Bộ Công Thương tích cực trao đổi, làm việc với Bộ Tài Chính, Bộ Ngoại giao để bổ sung nội dung cho rõ ràng, phù hợp.	Tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo Nghị định
		Đề nghị hoàn thiện dự thảo Tờ trình theo đúng Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, trong đó nêu rõ nội dung cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, nội dung phân quyền, phân cấp, các nội dung theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Ngoài ra, đề nghị bổ sung, làm rõ tại Tờ trình tính tương thích của dự thảo Nghị định với các điều ước quốc tế, cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên liên quan đến kinh tế, thương mại. Ví dụ: Chương III của dự thảo Nghị định hiện đang quy định chi tiết về nguồn hình thành, nguyên tắc và nội dung hỗ trợ từ Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại. Tuy nhiên, cơ chế hỗ trợ tài chính	Tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo Nghị định

		từ Quỹ trên có rủi ro bị phân loại là trợ cấp có thể bị đối kháng (actionable subsidies) theo pháp luật thương mại quốc tế, từ đó có thể dẫn đến các vụ kiện hoặc biện pháp trả đũa từ các quốc gia khác đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Cụ thể, theo Điều 5 Phần III Hiệp định về Trợ cấp và các Biện pháp đối kháng của Tổ chức Thương mại thế giới mà Việt Nam là thành viên, không một thành viên nào thông qua việc sử dụng bất kỳ trợ cấp nào để gây ra tác động có hại đến quyền lợi của thành viên khác, bao gồm cả tác động nghịch gây tổn hại cho một ngành sản xuất của một nước thành viên khác.	
	Ngân hàng nhà nước	Để đảm bảo tính khả thi, hiệu quả, khắc phục các bất cập trong thực tế triển khai của các chính sách HTLS thông qua hệ thống ngân hàng, NHNN đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, đề xuất các cơ chế hỗ trợ khác phù hợp hơn theo hướng đơn giản thủ tục, hỗ trợ trực tiếp tới đối tượng thụ hưởng, thay vì áp dụng cơ chế hỗ trợ lãi suất thông qua hệ thống TCTD đối với các đối tượng tham gia Hệ sinh thái tận dụng các FTA.	Tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo Nghị định